

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



**ISO 9001:2008**

**NGUYỄN KHÁNH DƯ**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Hải Phòng - 2017**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NGUYỄN KHÁNH DƯ**

**QUẢN TRỊ RỦI RO ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU**  
**TẠI CỤC HẢI QUAN HẢI PHÒNG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**  
**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**MÃ SỐ: 60 34 01 02**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

**PGS.TS. Hoàng Văn Hải**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả phân tích được nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tôi xin cam đoan rằng các thông tin trích dẫn trong nội dung luận văn đều được chỉ rõ nguồn gốc.

Ngày      tháng 01 năm 2018

Tác giả

Nguyễn Khánh Dư

## LỜI CẢM ƠN

Đề tài được hoàn thành nhờ sự tận tâm truyền đạt kiến thức của các Thầy, Cô tại Khoa Quản trị kinh doanh– Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, Ban lãnh đạo Cục Hải quan Hải Phòng đã tạo điều kiện giúp đỡ trong quá trình thực hiện luận văn. Tác giả xin trân thành cảm ơn sự giúp đỡ của các đơn vị, cá nhân đã tạo điều kiện để Tác giả hoàn thành đề tài này; đặc biệt xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn, chỉ bảo nhiệt tình của Thầy giáo hướng dẫn PGS.TS. Hoàng Văn Hải.

## MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN .....	i
LỜI CẢM ƠN .....	ii
MỤC LỤC .....	iii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	vi
DANH MỤC CÁC BẢNG .....	vii
MỞ ĐẦU .....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	1
2. Tổng quan các nghiên cứu liên quan.....	3
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp nghiên cứu.....	5
6. Ý nghĩa khoa học và đóng góp mới của Luận văn .....	6
7. Kết cấu của luận văn.....	6
CHƯƠNG 1.....	7
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT, NHẬP KHẨU TẠI HẢI QUAN .....	7
1.1 Một số nội dung cơ bản về quản lý Hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu .....	7
1.1.1 Khái quát về quản lý rủi ro.....	7
1.1.2 Quản lý rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Hải Quan .....	10
1.1.3 Quy trình thủ tục Hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu .....	12
1.2 Nội dung của quản lý rủi ro đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Hải quan .....	14
1.2.1 Áp dụng quản lý rủi ro đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Hải quan .	14
1.2.2 Đo lường, đánh giá tuân thủ trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.....	15
1.2.3. Đo lường, đánh giá rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan .....	18
1.2.4 Quản lý danh mục hàng hóa rủi ro .....	19
1.2.5 Quản lý hồ sơ rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan .....	21

<b>1.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng quản lý rủi ro vào quy trình thủ tục Hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu .....</b>	<b>25</b>
1.3.1 Các yếu tố thuộc về Nhà nước .....	25
1.3.2 Các quy định pháp lý của các tổ chức quốc tế về thủ tục Hải quan.....	26
1.3.3 Các yếu tố thuộc về cơ quan Hải quan.....	29
1.3.4 Các yếu tố thuộc về doanh nghiệp .....	29
1.3.5 Các yếu tố thuộc về hàng hóa xuất, nhập khẩu.....	30
1.3.6 Các yếu tố thuộc về thị trường thế giới.....	30
<b>1.4. Kinh nghiệm áp dụng quản lý rủi ro vào quy trình thủ tục Hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.....</b>	<b>31</b>
1.4.1 Kinh nghiệm quản lý rủi ro của Hải quan Anh .....	31
1.4.2 Kinh nghiệm quản lý rủi ro của Hải quan Italia.....	32
1.4.3 Kinh nghiệm quản lý rủi ro của Hải quan Trung Quốc .....	32
1.4.4 Bài học kinh nghiệm cho Cục Hải quan Hải Phòng. ....	35
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ RỦI RO ĐỐI VỚI .....</b>	<b>37</b>
<b>HÀNG HÓA XUẤT, NHẬP KHẨU TẠI CỤC HẢI QUAN HẢI PHÒNG .....</b>	<b>37</b>
<b>2.1 Quá trình hình thành, phát triển của Cục Hải quan Hải Phòng.....</b>	<b>37</b>
2.1.1 Lịch sử hình thành phát triển .....	37
2.1.2 Cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan Hải Phòng.....	38
2.1.3 Đội ngũ cán bộ, viên chức.....	40
2.1.4 Một số kết quả đã đạt được của Cục Hải quan Hải Phòng .....	42
<b>2.2 Thực trạng áp dụng quản trị rủi ro vào quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng.....</b>	<b>46</b>
2.2.1 Áp dụng quản lý rủi ro đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.....	46
2.2.2 Đo lường, đánh giá tuân thủ trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.....	48
2.2.3 Đo lường, đánh giá rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.....	56
2.2.4 Quản lý danh mục hàng hóa rủi ro .....	62
<b>2.3 Đánh giá chung quản trị rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng.....</b>	<b>66</b>

2.3.1 Kết quả đạt được .....	66
2.3.2 Hạn chế.....	67
2.3.3 Nguyên nhân của hạn chế. ....	67
<b>CHƯƠNG 3: CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU TẠI CỤC HẢI QUAN.....</b>	<b>70</b>
<b>HẢI PHÒNG.....</b>	<b>70</b>
<b>3.1 Định hướng đẩy nhanh quá trình áp dụng quản lý rủi ro vào quy trình thủ tục Hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu .....</b>	<b>70</b>
<b>3.2 Các giải pháp nhằm hoàn thiện quản trị rủi ro đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng .....</b>	<b>75</b>
3.2.1 Cập nhật các văn bản pháp quy liên quan đến hoạt động hải quan .....	75
3.2.2 Tập trung thu thập hồ sơ doanh nghiệp, phân tích đánh giá thông tin, trao đổi thông tin để từ xây dựng các tiêu chí áp dụng QLRR.....	78
3.2.3 Xây dựng trung tâm dữ liệu và công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu phân tích rủi ro .....	80
3.2.4 Cải cách bộ máy, phân công nhiệm vụ công chức hải quan làm nghiệp vụ chuyên sâu về quản lý rủi ro .....	82
3.2.5 Nâng cao năng lực cán bộ thực hiện quản lý rủi ro .....	84
3.2.6 Đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp với việc áp dụng quản lý rủi ro trong qui trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu .....	87
3.2.7 Tăng cường quan hệ phối hợp với hợp tác quốc tế trong quản lý rủi ro .....	88
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>90</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>92</b>

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

AFTA	: Khu vực mậu dịch tự do
ASEAN	: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
APEC	: Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương
ECUS	: Phần mềm khai Hải quan điện tử
EU	: Liên minh châu Âu
FDI	: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
HQ	: Hải quan
KT	: Kiểm tra
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
QLRR	: Quản lý rủi ro
UNCTAD	: Diễn đàn Thương mại và Phát triển Liên Hiệp quốc
USD	: Đôla Mỹ
VNACCS	: Hệ thống thông quan tự động
VCIS	: Hệ thống thông tin tình báo Hải quan
WTO	: Tổ chức thương mại thế giới
WCO	: Tổ chức Hải quan Thế giới
XNK	: Xuất nhập khẩu



## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Tình hình nhân sự của Cục Hải Quan Hải Phòng .....	41
Bảng 2.2: Kim ngạch XNK hàng hóa qua các năm .....	42
Bảng 2.3: Số lượng tờ khai XNK đã giải quyết tại Cục Hải quan Hải Phòng	44
Bảng 2.4: Tình hình phân luồng hàng hóa XNK .....	49
Bảng 2.5: Phát hiện vi phạm trong hoạt động XNK .....	51
Bảng 2.6: Chuyển luồng tờ khai hải quan tại Cục Hải quan Hải Phòng .....	54
Bảng 2.7: Kết quả kiểm tra hàng XNK qua máy soi container cố định tại Cục Hải quan Hải Phòng. ....	58
Bảng 2.8: Kết quả kiểm tra hàng XNK qua máy soi container di động. ....	60
Bảng 2.9: Xây dựng tiêu chí rủi ro và tiêu chí kiểm tra qua máy soi .....	64

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, Hải Phòng được đánh giá là điểm đến của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp như: sản xuất, chế tạo, chế biến.... Xu hướng này đã tác động rất lớn hoạt động xuất nhập khẩu (XNK) nói chung và quản lý Hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu nói riêng.

Quản lý Nhà nước về Hải quan là hoạt động quản lý Nhà nước đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong lãnh thổ Hải quan. Trong xu hướng toàn cầu hóa, thương mại quốc tế phát triển, một vấn đề đặt ra với quản lý Hải quan là phải cân bằng giữa chức năng kiểm soát và chức năng tạo thuận lợi cho thương mại. Do đó, một trong những nội dung cải cách hoạt động Hải quan được nhiều nước quan tâm là áp dụng hệ thống quản lý rủi ro (QLRR) vào quá trình quản lý hàng hóa XNK.

Từ năm 2005, nghiệp vụ QLRR được ngành Hải quan chính thức áp dụng trong thông quan hàng hóa XNK. Việc áp dụng QLRR giúp cơ quan Hải quan đạt được những mục tiêu của cải cách hiện đại hóa như: đảm bảo sự cân bằng giữa tạo thuận lợi thương mại với kiểm soát chặt chẽ quá trình tuân thủ pháp luật; giúp cho công tác quản lý không bị dàn trải, giảm bớt áp lực về khối lượng công việc thông qua việc xác định đối tượng có rủi ro cao, ưu tiên tập trung nguồn lực vào quản lý đối với số đối tượng này; giảm thiểu các thủ tục hành chính, giảm bớt vai trò can thiệp của cán bộ hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan Quản lý rủi ro cho phép Hải quan tập trung nguồn kiểm soát các đối tượng có mức rủi ro cao nhằm tạo điều kiện cho hàng hóa thông quan nhanh đồng thời thực thi được chức năng kiểm soát hiệu quả của Nhà nước.

Bên cạnh đó, việc áp dụng QLRR không chỉ mang lại lợi ích to lớn cho công tác quản lý của ngành Hải quan mà còn mang lại những lợi ích thiết thực

cho DN. *Thứ nhất*, QLRR là nền tảng của việc tự động hóa hải quan, góp phần giảm thiểu thủ tục hải quan. *Thứ hai*, do dựa trên việc phân tích các đối tượng trọng điểm, tập trung vào các đối tượng rủi ro cao nên các đối tượng chấp hành tốt, trong diện rủi ro thấp sẽ được tạo thuận lợi trong thủ tục hải quan. Việc này sẽ khuyến khích các DN tự nguyện tuân thủ để được hưởng các ưu đãi về thủ tục hải quan. *Thứ ba*, áp dụng QLRR trong công nghệ thông tin nhằm minh bạch hóa các hoạt động thủ tục hải quan, qua đó làm giảm thiểu các thủ tục hành chính, giảm bớt vai trò can thiệp của cán bộ hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan. Điều này giúp cho DN không bị lệ thuộc vào thủ tục hành chính, giảm chi phí phát sinh; đặc biệt loại trừ các tệ nạn gây phiền hà sách nhiễu có thể nảy sinh trong quá trình làm thủ tục hải quan. *Thứ tư*, để thúc đẩy sự hợp tác, quan hệ đối với các DN, hướng tới các chuẩn mực quốc tế, QLRR tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh đối với cộng đồng DN, thúc đẩy kinh tế phát triển. Đặc biệt, DN có kim ngạch XNK lớn, đảm bảo tính tuân thủ pháp luật XNK, cơ quan hải quan xem xét lựa chọn tham gia chương trình DN ưu tiên trong lĩnh vực hải quan. DN sẽ được hưởng lợi, gia tăng năng lực cạnh tranh, được áp dụng thủ tục thông quan hàng hóa nhanh hơn rất nhiều từ cơ chế ưu tiên này.

Trong những năm gần đây, để đảm bảo công tác quản lý nhà nước về Hải quan được tiến hành một cách khoa học đồng thời khuyến khích hoạt động xuất, nhập khẩu của các doanh nghiệp, Cục Hải quan Hải Phòng đã áp dụng hệ thống QLRR vào công tác nghiệp vụ. Tuy nhiên, thực tế triển khai hệ thống QLRR trong hoạt động nghiệp vụ Hải quan còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, nhiều công việc chưa được chuẩn bị chu đáo... Để triển khai hệ thống QLRR vào hoạt động nghiệp vụ Hải quan đạt được hiệu quả cao, cần nghiên cứu một cách toàn diện và chuyên sâu về lĩnh vực này. Xuất phát từ thực tế trên, đề tài "Quản trị rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng" được chọn làm đề tài luận văn tốt nghiệp.

## **2. Tổng quan các nghiên cứu liên quan**

Có khá nhiều đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Quách Đăng Hòa (2009) đã phân tích xây dựng, quản lý và sử dụng hồ sơ rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ của ngành Hải quan trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành "Nghiên cứu xây dựng, quản lý và sử dụng hồ sơ rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ của ngành Hải quan" [18]

Vũ Ngọc Anh (2010) với đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành "Nâng cao hiệu quả áp dụng quản lý rủi ro trong lĩnh vực nghiệp vụ Hải quan", tác giả đã nhấn mạnh tầm quan trọng của quản lý rủi ro trong lĩnh vực Hải quan, nêu bật được những kết quả đạt được và những tồn tại của hệ thống quản lý rủi ro trong lĩnh vực Hải quan đồng thời đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng quản lý rủi ro trong lĩnh vực nghiệp vụ Hải quan [1].

Quách Đăng Hòa (2016) đã phân tích nhằm xây dựng Khung tiêu chuẩn quản lý rủi ro của Hải quan Việt Nam trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành "Nghiên cứu, xây dựng Khung tiêu chuẩn quản lý rủi ro của Hải quan Việt Nam" [19].

Đình Văn Hòa (2014) đã hệ thống những vấn đề lý luận về QLRR trong lĩnh vực Hải quan, nêu ra kinh nghiệm trên thế giới để rút ra bài học trong QLRR cho Hải quan Việt Nam trong đề tài "Hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu tại cục Hải quan Hà Tĩnh". Đề tài đã phân tích thực trạng quản lý rủi ro của Hải quan Việt Nam, nêu bật được những kết quả đạt được và những tồn tại của hệ thống quản lý rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu tại cục Hải quan Hà Tĩnh. Từ đó, đưa ra hệ thống giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu tại cục Hải quan Hà Tĩnh.

Các nghiên cứu trên đã đánh giá tầm quan trọng cũng như sự cần thiết của quản trị rủi ro trong hoạt động Hải quan. Tuy nhiên, với sự phát triển

manh mẽ của khoa học kỹ thuật cùng với quá trình toàn cầu hóa thì phương pháp quản lý rủi ro hiện đại cần phải có những thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế. Các đề tài trên đã có những lỗi thời về mặt số liệu và lý luận, do đó hy vọng đề tài nghiên cứu này sẽ đóng góp phần nào đó để hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu trong tình hình mới.

### **3. Mục tiêu nghiên cứu**

**Mục tiêu chung:** Luận văn tập trung nghiên cứu, làm rõ một số nội dung lý luận về quản lý rủi ro trong lĩnh vực hải quan, đánh giá thực trạng quản trị rủi ro đối với hoạt động xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng.

#### ***Mục tiêu cụ thể:***

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản trị rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Hải Quan.

- Đánh giá thực trạng quản trị rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng trong giai đoạn 2012 - 2016.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện QLRR đối với hàng hóa XNK tại Cục Hải quan Hải Phòng.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### ***4.1. Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu chính của Luận văn là quản trị rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan.

#### ***4.2. Phạm vi nghiên cứu***

- Phạm vi thời gian: Phân tích, đánh giá thực trạng từ năm 2012 đến 2017. Đề xuất mục tiêu, giải pháp cho giai đoạn 2017 - 2020.

- Phạm vi không gian: Quản trị rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng.

- Phạm vi nội dung nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu các vấn đề liên quan đến áp dụng quản trị rủi ro đối với hàng hóa XNK của Hải quan.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu đặc thù của khoa học quản trị như tổng hợp, phân tích dựa trên số liệu thống kê và các công trình tổng kết thực tiễn đã được công bố, cụ thể:

*Đối với mục tiêu thứ nhất:*

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: là phương pháp tìm kiếm những tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu bao gồm các loại tạp chí và báo cáo khoa học, tác phẩm khoa học trong ngành, giáo trình, mạng internet và các luận án, luận văn.

- Phương pháp phân tích tổng hợp: Là phương pháp sử dụng các nguồn tài liệu đã thu thập để tìm ra những quan điểm, luận điểm liên quan đến chủ đề nghiên cứu, phân tích và tổng hợp lại để hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề nghiên cứu.

*Đối với mục tiêu thứ hai:*

- Phương pháp thu thập thông tin và số liệu: Sử dụng số liệu thứ cấp, số liệu và thông tin được tập hợp từ báo cáo hoạt động xuất nhập khẩu của Cục Hải quan Hải Phòng giai đoạn 2012 – 2016;

- Phương pháp xử lý số liệu: phần mềm Ms EXCEL.

- Phương pháp thống kê mô tả: được sử dụng để mô tả những đặc tính cơ bản của dữ liệu thu thập được qua các bảng.

- Phương pháp phân tích dữ liệu chuỗi thời gian: được dùng để làm công tác dự báo và kiểm tra các giả thiết kinh tế. Các sự kiện quan sát được sắp xếp theo trình tự thời gian để rút ra quy luật, so sánh, kết luận.

## **6. Ý nghĩa khoa học và đóng góp mới của Luận văn**

- Góp phần làm rõ thêm một số nội dung lý luận về quản trị rủi ro đối với hàng hóa XNK tại hải quan;
- Khái quát một số kinh nghiệm trong lĩnh vực áp dụng QLRR vào quy trình thủ tục Hải quan;
- Phân tích và đánh giá thực trạng quản trị rủi ro đối với hàng hóa XNK tại Cục Hải quan Hải Phòng. Làm rõ phương hướng và giải pháp hoàn thiện quản trị rủi ro đối với hàng hóa XNK tại Cục Hải quan Hải Phòng.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận văn được chia làm 3 chương:

*Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về quản trị rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại hải quan.*

*Chương 2: Thực trạng quản trị rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng*

*Chương 3: Các giải pháp nhằm hoàn thiện quản trị rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng.*

# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT, NHẬP KHẨU TẠI HẢI QUAN

### 1.1 Một số nội dung cơ bản về quản lý Hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu

#### 1.1.1 Khái quát về quản lý rủi ro

##### 1.1.1.1 Khái niệm về rủi ro

Rủi ro là một trong những khái niệm tuy được đề cập, nghiên cứu và áp dụng nhiều trên thực tế nhưng nó được nhìn nhận dưới nhiều góc độ, trường phái, quan điểm khác nhau dẫn tới cho đến nay vẫn chưa có được sự thống nhất trong việc định nghĩa thế nào là rủi ro và hiện phân chia thành 02 nhóm trường phái, quan điểm là truyền thống và hiện đại.

*Theo quan điểm truyền thống*, rủi ro được xem là sự không may mắn, sự tổn thất mất mát, nguy hiểm, là điều không lành, điều không tốt, bất ngờ xảy đến, là những bất trắc ngoài ý muốn. *Như vậy*, quan điểm này cho rằng rủi ro là những thiệt hại, mất mát, nguy hiểm hoặc các yếu tố liên quan đến nguy hiểm, khó khăn hoặc điều không chắc chắn có thể xảy ra cho con người [2].

*Theo trường phái hiện đại*, rủi ro lại được xem là sự bất trắc có thể đo lường được, nó mang cả tính tích cực và tính tiêu cực vì rủi ro có thể mang đến những tổn thất, mất mát nhưng cũng có thể đem lại những lợi ích, cơ hội nhất định. *Do đó*, nếu hiểu được rủi ro thì người ta có thể tìm được những biện pháp phòng ngừa, hạn chế những rủi ro tiêu cực cũng như có thể đón nhận những cơ hội, lợi ích tích cực mà nó đem lại [2].

Rủi ro thường gắn với sự không chắc chắn, không tuyệt đối và thường đi kèm với xác suất xảy ra theo những mức độ, khả năng nhất định (xác suất lớn hơn 0% - chắc chắn không xảy ra và nhỏ hơn 100% - chắc chắn xảy ra).



Rủi ro thường bao gồm 03 yếu tố cấu thành, đó là: xác suất xảy ra, khả năng ảnh hưởng đến đối tượng và thời lượng ảnh hưởng [2].

#### *1.1.1.2 Khái niệm về quản lý rủi ro*

Trên thế giới, quản lý rủi ro đã được áp dụng và kết quả không chỉ thành công tại “khu vực tư nhân” khi mà các lĩnh vực như bảo hiểm, ngân hàng, thương mại, công nghiệp,... tìm khả năng nắm bắt, tạo ra cơ hội để cải thiện kết quả kinh doanh của mình mà việc áp dụng quản lý rủi ro còn có thể giúp cho “khu vực công” xác định được những lĩnh vực có rủi ro với mức độ, thang độ nhất định để từ đó hỗ trợ cho việc ra quyết định xử lý rủi ro trong điều kiện phân bổ nguồn lực một cách hợp lý.

Theo bộ tiêu chuẩn *TCVNISO/IEC31010:2013*, khái niệm quản lý rủi ro được hiểu là **“Việc áp dụng một cách hệ thống các thông lệ và thủ tục quản lý nhằm cung cấp thông tin cần thiết để xử lý rủi ro”**[3].

Để quản lý rủi ro hiệu quả đòi hỏi có sự cân bằng giữa chi phí và lợi ích, và như vậy, tất yếu sẽ không thể có đủ chi phí để giải quyết tất cả các rủi ro một cách ngang bằng như nhau nên rủi ro cần phải được phân tách thành các loại khác nhau dựa trên mức độ rủi ro có thể chấp nhận được hay không thể chấp nhận được nhằm ứng xử phù hợp với các loại rủi ro khác nhau đó.

#### *1.1.1.3 Quy trình quản lý rủi ro*

Quy trình QLRR cần đảm bảo tính hệ thống, liên tục và thống nhất chung để từ đó nhằm tiếp cận và thực hiện phương pháp luận đúng chuẩn mực về hiện thực hóa QLRR. Quy trình này chính là một phương pháp luận có tính chu kỳ lặp theo vòng tròn khép kín, trong đó có những bước công việc được định danh cụ thể, hỗ trợ cho việc đưa ra các quyết định nghiệp vụ thông qua phân tích bản chất của rủi ro, xem xét các tác động có thể của rủi ro, xác định cơ sở cho các quyết định quản lý trong điều kiện hài hòa với các nguồn lực được phân bổ, cũng như với thứ tự ưu tiên của các biện pháp xử lý.

***Xây dựng môi trường thông tin - Thiết lập bối cảnh quản lý:*** Giai đoạn này xác định bối cảnh diễn ra hoạt động quản lý rủi ro, các mục tiêu của việc phân tích các đối tượng quản lý, và những rủi ro cần được quản lý. Việc xác định đối tượng cần quản lý sẽ giúp xây dựng thước đo chuẩn cho toàn bộ quy trình quản lý rủi ro. Kết quả của giai đoạn này sẽ là một báo cáo mô tả môi trường hoạt động của quản lý rủi ro, xác định các tiêu chí và thước đo cho giai đoạn đánh giá rủi ro.

***Đánh giá rủi ro - Xác định rủi ro:*** Bước này chỉ ra và ghi lại tất cả những rủi ro tiềm ẩn thông qua một quy trình mang tính hệ thống, theo đó chỉ ra những rủi ro có thể phát sinh, lý do vì sao và cách thức phát sinh rủi ro, từ đó hình thành cơ sở để phân tích sâu hơn những rủi ro đó. Kết quả xác định được danh mục các rủi ro, phạm vi tác động của rủi ro.

***Đánh giá rủi ro - Phân tích rủi ro:*** Bước này sử dụng dữ liệu và thông tin nhằm lượng hóa các kết quả, hậu quả có thể xảy đến nếu có rủi ro và/hoặc nếu không xác định được rủi ro cụ thể. Kết quả xác định cấp độ dự kiến của rủi ro trên cơ sở định lượng và định tính, hoặc kết hợp cả hai loại trên.

***Đánh giá và xếp thứ tự các rủi ro:*** Giai đoạn này thực hiện việc so sánh các rủi ro đã được đánh giá với các tiêu chí chủ đạo đã được xác định từ trước, sử dụng các nguồn lực theo dự kiến để chuẩn bị hoặc ngăn ngừa hoặc đối phó với rủi ro. Kết quả giai đoạn này là lượng hóa, sắp xếp rủi ro theo các cấp độ của rủi ro, kết nối rủi ro với các đơn vị có thể xảy ra rủi ro để các đơn vị đó có trách nhiệm trong việc tìm cách giảm thiểu rủi ro và theo dõi rủi ro.

***Giải pháp xử lý rủi ro:*** Xử lý rủi ro là việc tìm cách giảm khả năng hoặc hậu quả của rủi ro bằng cách áp dụng các biện pháp kiểm soát và tác nghiệp nhằm thay đổi các mức độ rủi ro để phù hợp với khả năng chấp nhận của cơ quan Hải quan. Tùy thuộc loại rủi ro mà áp dụng phương pháp xử lý rủi ro phù hợp.

**Giám sát, rà soát:** Theo dõi và rà soát, đánh giá là bước công việc phải thực hiện ở tất cả các giai đoạn trong quy trình quản lý rủi ro nhằm trả lời cho các câu hỏi sau:

- ✚ Các kết luận về rủi ro còn nguyên giá trị hay không?
- ✚ Rủi ro nào mới xuất hiện, đang nổi trội?
- ✚ Tính hiệu quả, hiệu lực của biện pháp xử lý nhằm tối thiểu hóa rủi ro, tối thiểu hóa chi phí?
- ✚ Tính phù hợp của biện pháp kiểm soát chi phí, kiểm soát quản lý?
- ✚ Tính tuân thủ quy định, quy trình của biện pháp xử lý?
- ✚ Hệ thống sẽ có thể được cải tiến nâng cao như thế nào?

**Lưu trữ, cung cấp thông tin và tư vấn:** Việc cung cấp thông tin và tư vấn với các bên trong ngành hay ngoài ngành cần được thực hiện với mỗi công đoạn cũng như thực hiện đối với toàn bộ quy trình QLRR đảm bảo tính hiệu quả và minh bạch.

### **1.1.2 Quản lý rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Hải Quan**

#### **1.1.2.1 Rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Hải Quan**

Theo Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO) “*Hải quan* là cơ quan của Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Luật Hải quan và thu thuế hải quan và thuế khác đồng thời cũng chịu trách nhiệm thi hành các luật khác có liên quan đến việc nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển hoặc lưu kho hàng hóa”[20].

Theo Điều 4, Luật Hải quan năm 2014 thì rủi ro Hải quan là “nguy cơ không tuân thủ pháp luật về hải quan trong việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải” [22].

#### **1.1.2.2 Quản lý rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Hải Quan**

Theo tổ chức Hải quan thế giới WCO, quản lý rủi ro hải quan được hiểu là “*việc áp dụng có hệ thống các thủ tục quản lý và thông lệ mang đến cho Hải*

*quan những thông tin cần thiết để giải quyết vấn đề vận chuyển hàng hoá hoặc lô hàng đặt ra vấn đề rủi ro”[24].* Khi áp dụng quản lý rủi ro như một nguyên lý quản lý thì có thể giúp cho Hải quan không chỉ thực hiện trách nhiệm của mình một cách hiệu quả mà còn giúp cho cơ quan Hải quan tổ chức và triển khai nguồn lực theo hướng cải thiện toàn bộ hoạt động của mình.

Tại Việt Nam, theo các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn dưới Luật, quản lý rủi ro hải quan được hiểu là “việc áp dụng có hệ thống các quy định pháp luật, các quy trình, biện pháp nghiệp vụ để xác định, đánh giá và phân loại các rủi ro có tác động tiêu cực đến hiệu lực, hiệu quả quản lý hải quan, quản lý thuế, làm cơ sở để cơ quan hải quan phân bổ hợp lý nguồn lực, áp dụng hiệu quả các biện pháp quản lý hải quan, quản lý thuế” [9]

Như vậy, có thể thấy xét trên phương diện lợi ích quốc gia và lợi ích quốc tế, hoạt động Hải quan đóng một vai trò không nhỏ nhằm phòng chống cũng như kiểm soát các hành vi gian lận thương mại quốc tế, phục vụ những mục tiêu phi pháp như buôn lậu, xuất nhập khẩu những hàng hóa danh mục cấm của Nhà nước và của quốc tế... Ngay từ lúc bắt đầu xuất hiện, Hải quan được thành lập chủ yếu với mục đích là đánh thuế vào hàng hóa xuất nhập khẩu nhằm tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước vì thời bấy giờ các thương gia giàu có mới có thể buôn bán đa quốc gia. Ngày nay, không chỉ đơn thuần là thu thuế, Hải quan còn mở rộng các chức năng nhiệm vụ trong đó quản lý rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là một chức năng quan trọng.

### *1.1.2.3 Nguyên tắc quản lý đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Hải Quan*

**Một là**, các biện pháp, kỹ thuật nghiệp vụ quản lý rủi ro phải được tiến hành để dự báo trước các nguy cơ vi phạm pháp luật về hải quan nhằm chủ động áp dụng có hiệu quả các biện pháp nghiệp vụ cần thiết theo quy định của pháp luật đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh [2].

**Hai là**, việc thực hiện các kỹ thuật quản lý rủi ro được dựa trên cơ sở áp dụng chỉ số hóa, tiêu chí hóa và các thông tin quản lý rủi ro có trên hệ thống thông tin của ngành Hải quan, thông tin dấu hiệu vi phạm, dấu hiệu rủi ro.

**Ba là**, căn cứ vào bộ tiêu chí lựa chọn để quyết định kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan đối với hoạt động xuất nhập khẩu trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật quản lý chuyên ngành, mức độ tuân thủ pháp luật của người khai hải quan, kết hợp với việc xem xét mức độ rủi ro của hàng hóa xuất nhập khẩu và các yếu tố khác liên quan [2].

**Bốn là**, việc công chức hải quan đã thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời các quy định của pháp luật, nội dung tại Quy định của ngành và các quy định, hướng dẫn về quản lý rủi ro theo phân cấp thì được miễn trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật [2].

### ***1.1.3 Quy trình thủ tục Hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu***

#### ***1.1.3.1 Thông tin quản lý rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Hải Quan***

Thông tin quản lý rủi ro hải quan bao gồm tất cả các thông tin hải quan, thông tin nghiệp vụ hải quan và các thông tin khác liên quan, được sử dụng để phục vụ áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan, cụ thể bao gồm các thông tin và các nhóm thông tin sau đây:

- Nhóm thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, đại lý làm thủ tục hải quan, doanh nghiệp hoạt động, kinh doanh các lĩnh vực liên quan: vận tải, chuyên phát nhanh, cảng, kho, bãi, kho ngoại quan,...

- Nhóm thông tin về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh;

- Nhóm thông tin về phương tiện vận tải, chuyên chở xuất cảnh, nhập cảnh;

- Nhóm thông tin từ kết quả thực hiện của các quy trình, thủ tục hải quan và các biện pháp nghiệp vụ khác có liên quan;

- Nhóm thông tin nghiệp vụ hải quan (thông tin được cung cấp, được tạo ra và xử lý trong quá trình thực hiện, áp dụng quản lý rủi ro).

Thông tin quản lý rủi ro được quản lý tập trung tại Tổng cục Hải quan để thống nhất việc xử lý, ứng dụng, cung cấp cho các đơn vị Hải quan các cấp, nội dung của thông tin quản lý rủi ro phải được thực hiện theo chế độ nghiệp vụ và theo quy định của pháp luật về bảo mật thông tin.

#### *1.1.3.2 Quy trình thu thập, xử lý thông tin quản lý rủi ro*

Việc thu thập, xử lý thông tin quản lý rủi ro được thực hiện gồm 04 bước, trong đó tùy thuộc từng trường hợp cụ thể có thể thực hiện một phần hoặc toàn bộ các bước, cụ thể như sau:

***Bước 1, Xác định nhu cầu, mục đích thu thập, xử lý thông tin:*** Nhu cầu thông tin dựa trên một số cơ sở như yêu cầu quản lý; yêu cầu đánh giá rủi ro, đánh giá tuân thủ; kết quả phân tích, đánh giá rủi ro,... Trên cơ sở đó, tiếp tục làm rõ mục đích sử dụng thông tin quản lý rủi ro trong các hoạt động nghiệp vụ cụ thể. Kết quả của bước này là xây dựng được kế hoạch thu thập, xử lý thông tin.

***Bước 2, Thu thập thông tin:*** Trên cơ sở kế hoạch nêu trên, công chức Hải quan, đơn vị Hải quan sử dụng các biện pháp nghiệp vụ phù hợp, theo quy định để tiến hành thu thập, tổng hợp, cập nhật và quản lý thông tin quản lý rủi ro.

***Bước 3, Xử lý thông tin:*** Tiến hành đánh giá, đối chiếu, phân tích, tổng hợp thông tin nhằm đảm bảo mục tiêu đã đặt ra theo kế hoạch thu thập, xử lý thông tin nêu trên. Sản phẩm thông tin đã qua xử lý trở thành thông tin nghiệp vụ, được cập nhật, chuyển giao đến các cá nhân, tổ chức theo quy định.

***Bước 4, Theo dõi, đánh giá hiệu quả:*** Đơn vị cung cấp thông tin quản lý rủi ro thực hiện kiểm tra, theo dõi đối với các thông tin đã cung cấp và phối hợp với cá nhân, tổ chức tiếp nhận thông tin quản lý rủi ro để điều chỉnh nhu

cầu, cách thức thu thập, xử lý và sử dụng thông tin trên cơ sở các thông tin cập nhật, phản hồi kết quả thực hiện các biện pháp nghiệp vụ từ họ.

## **1.2 Nội dung của quản lý rủi ro đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Hải quan**

### ***1.2.1 Áp dụng quản lý rủi ro đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Hải quan***

Việc áp dụng quản lý rủi ro đối với các lĩnh vực, hoạt động nghiệp vụ hải quan được thực hiện dựa trên các quy định của pháp luật và các kết quả thu thập, xử lý thông tin, phân tích, đánh giá rủi ro. Nội dung áp dụng quản lý rủi ro trong các hoạt động nghiệp vụ hải quan bao gồm các hạng mục cụ thể sau đây:

- Kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai hải quan;
- Hỗ trợ việc quyết định kiểm tra hàng hóa trong quá trình xếp, dỡ từ phương tiện vận tải nhập cảnh xuống kho, bãi, cảng, khu vực cửa khẩu nhập;
- Hỗ trợ việc quyết định kiểm tra hàng hóa xuất khẩu sau khi đã thông quan, được tập kết tại các địa điểm trong khu vực cửa khẩu xuất;
- Hỗ trợ việc quyết định kiểm tra trong quá trình làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Hỗ trợ việc quyết định phương thức giám sát, kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu trong quá trình giám sát hải quan;
- Hỗ trợ việc quyết định kiểm tra trong quản lý hoạt động gia công, sản xuất hàng xuất khẩu;
- Hỗ trợ việc quyết định kiểm tra hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Điều phối việc tiến hành các biện pháp kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, kiểm tra sau thông quan, thanh tra và các hoạt động nghiệp vụ khác theo kế hoạch kiểm soát rủi ro trong quản lý hoạt động xuất nhập khẩu của cơ quan Hải quan;

- Hỗ trợ việc quyết định kiểm tra sau thông quan.

## **1.2.2 Đo lường, đánh giá tuân thủ trong hoạt động nghiệp vụ hải quan**

### **1.2.2.1 Đo lường, đánh giá tuân thủ doanh nghiệp**

Ngoài việc đánh giá, công nhận doanh nghiệp ưu tiên được thực hiện theo Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/05/2015 của Bộ Tài chính về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, căn cứ yêu cầu quản lý hải quan, quản lý thuế, cơ quan hải quan tổ chức đánh giá tuân thủ đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, vận tải, kinh doanh xuất nhập khẩu.

Việc thực hiện đo lường, đánh giá tuân thủ được thực hiện trên cơ sở Bộ tiêu chí, chỉ số đánh giá tuân thủ và ứng dụng nền tảng hệ thống công nghệ thông tin quản lý rủi ro. Kết quả đo lường, đánh giá nêu trên đã phân loại thành nhóm đối tượng doanh nghiệp tuân thủ hoặc không tuân thủ hoặc thuộc nhóm không đáp ứng các chỉ số tiêu chí đánh giá tuân thủ của cơ quan Hải quan. Tiếp đó, để đảm bảo việc đánh giá tuân thủ doanh nghiệp xuất nhập khẩu được đầy đủ và chính xác, các đơn vị Hải quan các cấp thường xuyên tổ chức thực hiện công tác thu thập, cập nhật vào hệ thống thông tin hồ sơ doanh nghiệp và thông tin quản lý doanh nghiệp tuân thủ.

Để thực hiện yêu cầu quản lý hải quan, quản lý thuế, nội dung đánh giá tuân thủ pháp luật của người khai hải quan được cơ quan Hải quan thực hiện bao gồm các đánh giá về điều kiện sau đây:

**Thứ nhất là**, điều kiện áp dụng thời hạn nộp thuế 275 ngày đối với hàng hóa nhập khẩu là nguyên liệu, vật tư sản xuất hàng xuất khẩu;

**Thứ hai là**, điều kiện cho phép bảo lãnh số tiền thuế phải nộp;

**Thứ ba là**, điều kiện cho phép đưa hàng hóa nhập khẩu về bảo quản;

Ngoài ra, không chỉ dừng ở việc đánh giá các điều kiện như nêu trên, cơ quan Hải quan còn thực hiện các hoạt động thu thập, xử lý thông tin, phân



tích và đánh giá rủi ro đối với tổ chức, cá nhân trong hoạt động gia công, sản xuất hàng xuất khẩu; trong hoạt động miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và các hoạt động khác căn cứ từng điều kiện và yêu cầu quản lý cụ thể.

#### *1.2.2.2 Đo lường tuân thủ pháp luật trong các lĩnh vực hoạt động XNK*

Việc đo lường tuân thủ pháp luật về hải quan được thực hiện theo kế hoạch hàng năm và theo các thang đo mức độ tuân thủ khác nhau: mức cao, trung bình hoặc thấp. Trách nhiệm đo lường tuân thủ được thực hiện theo phân cấp.

Cụ thể tại cấp Tổng cục, căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu quản lý hải quan theo từng năm để xây dựng và ban hành bộ chỉ số và kế hoạch đo lường tuân thủ; tổ chức thực hiện và điều phối việc thực hiện theo kế hoạch được phê duyệt như nêu trên đảm bảo việc bố trí có hiệu quả các nguồn lực, biện pháp kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các biện pháp nghiệp vụ khác trong các lĩnh vực xuất nhập khẩu.

Đối với đơn vị Hải quan các cấp, các đơn vị này có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ phân công theo kế hoạch đo lường tuân thủ và các nội dung liên quan theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan.

Nội dung đo lường tuân thủ bao gồm các hoạt động cụ thể như sau đây:

- Lựa chọn mẫu kiểm tra, tiến hành phân tích;
- Thu thập thông tin, dữ liệu về kết quả kiểm tra, xử lý đối với mẫu;
- Tổng hợp, phân tích, xác định rõ các thông số sau:
  - + Tỷ lệ vi phạm trên tổng số mẫu;
  - + Cơ cấu, tỷ lệ theo loại rủi ro về tuân thủ pháp luật hải quan;
  - + Các nhóm đối tượng trọng điểm và các yếu tố khác có liên quan đến vi phạm pháp luật về hải quan;

- Đối chiếu kết quả nêu trên so với chỉ số đo lường tuân thủ (đã được xây dựng, ban hành) để xếp loại mức độ tuân thủ pháp luật về hải quan đối với lĩnh vực hoạt động xuất nhập khẩu;

- Báo cáo kết quả đo lường tuân thủ, bao gồm: mức độ tuân thủ pháp luật được xếp loại, các chỉ số và cảnh báo rủi ro đối với từng lĩnh vực hoạt động xuất nhập khẩu.

### 1.2.2.3 Xếp Hạng doanh nghiệp

Trên cơ sở chỉ số tiêu chí xếp hạng và phân loại doanh nghiệp, hệ thống thông tin quản lý rủi ro tự động tích hợp, xử lý thông tin, dữ liệu và tính điểm để phân loại và xếp Hạng doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Hạng doanh nghiệp được sử dụng làm chỉ số tiêu chí lựa chọn kiểm tra trong quá trình làm thủ tục hải quan, kiểm tra sau thông quan và làm cơ sở để tiến hành các biện pháp nghiệp vụ khác trong quản lý hoạt động xuất nhập khẩu của cơ quan Hải quan.

Theo định kỳ hoặc căn cứ sự thay đổi về mức độ tuân thủ của doanh nghiệp hoặc có thông tin về vi phạm, dấu hiệu vi phạm pháp luật của doanh nghiệp hoặc thông tin thu thập, cập nhật bổ sung hồ sơ doanh nghiệp đã làm thay đổi Hạng của doanh nghiệp khi đánh giá lại hoặc qua kết quả theo dõi, đánh giá có cơ sở để xác định doanh nghiệp có quá trình chấp hành tốt pháp luật về hải quan trên địa bàn, Hạng rủi ro doanh nghiệp có thể được xem xét để điều chỉnh (nâng Hạng hoặc giảm Hạng so với kỳ xếp hạng trước đó).

Hạng doanh nghiệp xuất nhập khẩu phân loại rủi ro theo những hạng sau đây:

- ✚ Hạng 1 - Doanh nghiệp ưu tiên;
- ✚ Hạng 2 - Doanh nghiệp rủi ro rất thấp;
- ✚ Hạng 3 - Doanh nghiệp rủi ro thấp;
- ✚ Hạng 4 - Doanh nghiệp rủi ro trung bình;
- ✚ Hạng 5 - Doanh nghiệp rủi ro cao;
- ✚ Hạng 6 - Doanh nghiệp rủi ro rất cao;

- ✚ Hạng 7 - Doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu dưới 365 ngày.

### **1.2.3. Đo lường, đánh giá rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan**

#### **1.2.3.1. Đo lường, đánh giá rủi ro**

Để rà soát, phát hiện đối tượng có dấu hiệu vi phạm, dấu hiệu rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu, cơ quan Hải quan sử dụng các kỹ thuật phân tích, đánh giá rủi ro với các nội dung cụ thể như sau:

- ✚ Xác định phạm vi, lĩnh vực cần thực hiện phân tích và đánh giá rủi ro;
- ✚ Xác định nhu cầu về thông tin;
- ✚ Thực hiện phân tích thông tin, xác định các dấu hiệu rủi ro trên cơ sở thông tin thu thập về hoạt động xuất nhập khẩu và các thông tin khác có liên quan;
- ✚ Xác định đối tượng rủi ro/ có dấu hiệu rủi ro và tần suất, mức độ (hậu quả) liên quan trên cơ sở kết quả tổng hợp, sàng lọc, đối chiếu, xác minh thông tin về các dấu hiệu rủi ro;
- ✚ So sánh, đối chiếu kết quả nêu trên với các văn bản quy định, hướng dẫn có liên quan, với Bộ tiêu chí đánh giá rủi ro và mục tiêu kiểm soát đối với hàng hóa, tuyến, địa bàn, lĩnh vực rủi ro cao để đưa ra biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp.

#### **1.2.3.2 Phân tích sau bắt giữ**

Nhằm có thể đánh giá hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện kiểm soát rủi ro theo các chương trình, kế hoạch đã đặt ra và giúp làm rõ nguyên nhân, phương thức thủ đoạn và các yếu tố khác liên quan để từ đó hỗ trợ đưa ra cảnh báo rủi ro, cũng như điều chỉnh và định hướng việc áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro, cơ quan Hải quan áp dụng kỹ thuật phân tích sau bắt giữ của các vụ việc mang tính chất điển hình, phức tạp, quy mô lớn.

Kết quả của công tác phân tích sau bắt giữ làm nổi bật về đối tượng, phương thức, thủ đoạn vi phạm, đánh giá xu hướng vi phạm trong thời gian

tiếp theo, hơn nữa là có thể làm rõ được các dấu hiệu về hành vi vi phạm hoặc nguy cơ vi phạm cũng như sở hữu, thiếu sót về chính sách, quy định của pháp luật, quy trình, thủ tục hải quan và trong việc thực hiện các biện pháp quản lý hải quan. Từ đó, giúp cho xây dựng những phương án, biện pháp cụ thể để có thể kiểm soát rủi ro, khắc phục sơ hở, thiếu sót như đã nêu trên.

#### ***1.2.4 Quản lý danh mục hàng hóa rủi ro***

##### ***1.2.4.1 Danh mục hàng hóa rủi ro***

Dưới góc độ hàng hóa - đối tượng của hoạt động thương mại quốc tế và cũng là đối tượng thuộc nhiều chính sách quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực đặc thù. Danh mục hàng hóa rủi ro được hiểu là danh sách các mặt hàng rủi ro về buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại và các vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực hải quan. Hoặc ngắn gọn hơn, Danh mục hàng hóa rủi ro có thể được hiểu là danh sách các mặt hàng rủi ro vi phạm pháp luật về hải quan.

Việc đặt ra danh sách các hàng hóa có rủi ro không chỉ giúp các đơn vị Hải quan các cấp có thể nhận diện rủi ro, tiến hành các biện pháp nghiệp vụ để kiểm soát rủi ro hiện mà còn giúp các Bộ, ngành tiếp cận quản lý rủi ro trong quản lý nhà nước về hải quan.

Tổng cục Hải quan ban hành, quản lý, áp dụng thống nhất Danh mục hàng hóa rủi ro. Danh mục hàng hóa rủi ro được cập nhật, quản lý trên hệ thống thông tin quản lý rủi ro; thường xuyên được theo dõi đánh giá, sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tế quản lý hoạt động xuất nhập khẩu. Đơn vị Hải quan các cấp sử dụng danh mục hàng hóa rủi ro làm nguồn thông tin để phân tích đánh giá rủi ro, hỗ trợ quyết định áp dụng các biện pháp nghiệp vụ hải quan. Không sử dụng danh mục hàng hóa rủi ro làm căn cứ duy nhất để quyết định kiểm tra hải quan, kiểm tra sau thông quan, thanh tra đối với hoạt động xuất nhập khẩu[7].

Như vậy, Danh mục hàng hóa rủi ro thực hiện theo quy định tại Quyết định số 464/QĐ-BTC ngày 29/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Danh

mục hàng hóa rủi ro trong quản lý nhà nước về hải quan thực hiện theo Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 14/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ là đồng nhất, tuy nhiên chỉ có khác ở mức độ công khai trong cung cấp thông tin về các trường hợp rủi ro thuộc Danh mục nêu trên. Cụ thể, để đảm bảo thực hiện các biện pháp nghiệp vụ hải quan (chế độ nghiệp vụ mật) nên ngoài các thông tin công khai, công bố rộng rãi của Danh mục hàng hóa rủi ro, cơ quan Hải quan có các hướng dẫn thực hiện các biện pháp, kỹ thuật nghiệp vụ đặc thù của ngành.

#### *1.2.4.2 Tiêu chí đánh giá hàng hóa rủi ro*

Hàng hóa được đánh giá rủi ro theo tiêu chí, cụ thể như sau: tiêu chí về tần suất, mức độ vi phạm liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; theo thông tin, cảnh báo rủi ro về xu hướng buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong từng thời kỳ; theo yêu cầu, chỉ đạo tăng cường quản lý của Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; theo thông tin, cảnh báo của các tổ chức quốc tế, Hải quan các nước về buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong từng thời kỳ; theo kết quả phân tích rủi ro đối với hàng hóa thuộc đối tượng chính sách quản lý chuyên ngành, chính sách thuế và chế độ quản lý hải quan, quản lý thuế trong từng thời kỳ.

#### *1.2.4.3 Xây dựng Danh mục hàng hóa rủi ro*

Việc thực hiện các quy định tại 02 văn bản nêu trên vẫn đảm bảo tính thống nhất trong nhận diện rủi ro dưới góc độ hàng hóa và chỉ khác nhau ở cơ quan ban hành văn bản là Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan. Cụ thể, Tổng cục Hải quan ban hành 02 Danh mục hàng hóa rủi ro về trị giá; về phân loại hàng hóa do nội dung và thông tin các trường hợp rủi ro mang tính đặc thù của ngành Hải quan. Đối với 07 Danh mục hàng hóa rủi ro về: chính sách quản lý chuyên ngành; về xuất xứ; về môi trường; về hàng giả, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; về ma túy, tiền chất; về vũ khí, chất phóng xạ; về buôn lậu, vận

chuyển trái phép qua biên giới, Tổng cục Hải quan chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng và tham mưu Bộ Tài chính ban hành theo nội dung Chỉ thị 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

#### *1.2.4.4 Quản lý Danh mục hàng hóa rủi ro*

Danh mục hàng hoá rủi ro được quản lý theo hai (02) hình thức: văn bản giấy và cơ sở dữ liệu trên hệ thống thông tin quản lý rủi ro.

Với văn bản giấy, đó là Danh mục hàng hóa rủi ro và các phân nhóm Danh mục được ban hành, sửa đổi, bổ sung kèm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính; cộng thêm 02 Danh mục được ban hành theo Quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan - theo quy định tại Quyết định số 464/QĐ-BTC.

Với dạng cơ sở dữ liệu, đó là các Danh mục hàng hóa rủi ro được ban hành, sửa đổi, bổ sung, được cập nhật theo định dạng trên cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin quản lý rủi ro.

#### *1.2.4.5 Áp dụng Danh mục hàng hóa rủi ro*

Danh mục hàng hóa rủi ro được sử dụng làm nguồn thông tin rủi ro để xây dựng, kiến nghị chế độ, chính sách quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp quản lý hải quan;

Không được sử dụng Danh mục hàng hóa rủi ro làm căn cứ duy nhất để quyết định thực hiện các biện pháp như nêu trên.

Các cơ quan thuộc các Bộ, ngành sử dụng Danh mục hàng hóa rủi ro làm cơ sở xây dựng, ban hành chính sách quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

### ***1.2.5 Quản lý hồ sơ rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan***

#### *1.2.5.1 Hồ sơ rủi ro hải quan*

Trong các tài liệu hướng dẫn về quản lý rủi ro của Tổ chức Hải quan thế giới và Hải quan các nước thì thuật ngữ “Risk Profile” được dùng phổ biến trong hoạt động quản lý rủi ro và phản ánh đầy đủ các thuộc tính của hồ sơ tài

liệu về rủi ro. Thuật ngữ trên có thể dịch là mô tả hiện trạng rủi ro. Tuy nhiên, theo quy trình quản lý rủi ro thì khái niệm trên không chỉ mô tả hiện trạng rủi ro mà nó còn bao gồm việc phản ánh kết quả phân tích, đánh giá rủi ro, biện pháp xử lý rủi ro được áp dụng, kết quả theo dõi, đánh giá quá trình xử lý rủi ro cũng như việc điều chỉnh bổ sung các dấu hiệu về rủi ro và chúng được xây dựng và quản lý dưới dạng tài liệu giấy hoặc dữ liệu điện tử.

Qua đó, hồ sơ rủi ro hải quan có thể được hiểu là sản phẩm đầu ra quy trình quản lý rủi ro, nó là kết quả quá trình xác định, phân tích, đánh giá và xử lý rủi ro nên tổng hợp các hồ sơ rủi ro sẽ thể hiện được bức tranh tổng thể về rủi ro trong hoạt động hải quan, từ đó củng cố và tạo cơ sở cho việc quyết định áp dụng các biện pháp quản lý thông qua việc phổ biến các dấu hiệu rủi ro đến các đơn vị tác nghiệp cũng như việc cập nhật các dấu hiệu này vào hệ thống thông tin nghiệp vụ nhằm xác định đối tượng rủi ro.

Trước đây, hồ sơ rủi ro hải quan được hiểu là “tập hợp thông tin, dữ liệu về quá trình xác định, phân tích, đánh giá, xử lý đối với một rủi ro cụ thể, được lưu trữ dưới dạng văn bản hoặc dữ liệu điện tử, nhằm phục vụ quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan” [14]. Hiện nay, khái niệm về hồ sơ rủi ro đã hướng tới đối tượng, phạm vi áp dụng cụ thể hơn, đó là “tập hợp các thông tin, dữ liệu về đối tượng rủi ro hoặc tình huống xuất hiện rủi ro (tình huống rủi ro), được lưu trữ dưới dạng văn bản hoặc dữ liệu điện tử để phục vụ theo dõi, quản lý và xác định trọng điểm kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các biện pháp nghiệp vụ khác đối với hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh”[13].

#### *1.2.5.2 Vai trò của hồ sơ rủi ro hải quan*

Hồ sơ rủi ro đã hình thành nên một chuỗi các hoạt động bắt đầu từ thu thập dữ liệu, thông tin đến phân tích, xử lý thông tin và đánh giá rủi ro;

Hồ sơ rủi ro gắn kết các khâu nghiệp vụ, hoạt động nghiệp vụ thông qua thông tin đã được xử lý của hồ sơ và các thông tin chỉ dẫn rủi ro, yêu cầu nghiệp vụ của đơn vị lập hồ sơ;

Hồ sơ rủi ro tạo lập nên cơ sở dữ liệu về rủi ro đối với hồ sơ lưu giữ dưới dạng điện tử và tạo lập kho tàng tài liệu, chứng từ, văn bản khi được lưu trữ dưới dạng hồ sơ giấy.

#### *1.2.5.3 Xây dựng, quản lý và áp dụng hồ sơ rủi ro*

##### ***a) Nguyên tắc của việc xây dựng, quản lý và ứng dụng hồ sơ rủi ro***

Ngoài những nguyên tắc chung trong hoạt động kiểm soát hải quan cũng như những quy định riêng có tính đặc thù của công tác quản lý rủi ro, công tác xây dựng, quản lý, ứng dụng hồ sơ rủi ro cần đáp ứng các nguyên tắc mang tính đặc thù sau đây:

Công tác xây dựng, quản lý và áp dụng hồ sơ rủi ro được tiến hành rộng rãi, có giới hạn, bao gồm việc thu thập tình hình rộng rãi về mọi mặt trong lĩnh vực hải quan nhằm tìm ra những khả năng tiềm tàng, những tác nhân chính dẫn đến vi phạm của những đối tượng cụ thể. Việc thu thập thông tin rộng rãi cho phép ta nhận định tương đối đầy đủ, toàn diện về đối tượng nghiên cứu;

Công tác xây dựng, quản lý và áp dụng hồ sơ rủi ro phải tiến hành khẩn trương, thường xuyên, liên tục và có tính chiến lược vì nếu không thì thông tin tài liệu thu thập được sẽ bị gián đoạn, không phản ánh kịp thời về tình hình hoạt động của các loại đối tượng;

Việc quản lý hồ sơ rủi ro được dựa trên nền tảng của các biện pháp nghiệp vụ quản lý rủi ro và kiểm soát hải quan;

Chủ động phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ để tiến hành những biện pháp, phương tiện và chiến thuật nghiệp vụ cần thiết nhằm đạt được mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra.



## ***b) Nội dung xây dựng, quản lý và ứng dụng hồ sơ rủi ro***

### ***Xây dựng hồ sơ rủi ro:***

Xây dựng hồ sơ rủi ro là việc tiến hành hoạt động thu thập thông tin, dữ liệu, phân tích, đánh giá rủi ro, xác lập hồ sơ đối với rủi ro đã được phân tích, đánh giá. Kết quả của quá trình này cho phép cơ quan Hải quan nhận biết và chủ động trong việc xử lý đối với rủi ro.

Đối tượng xác lập hồ sơ rủi ro hải quan là các vụ việc vi phạm có tính chất điển hình và/ hoặc các đối tượng có nguy cơ tiếp tục tái phạm các hành vi buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại, và hoặc các đối tượng có nguy cơ buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại hoặc có hành vi vi phạm pháp luật khác.

Công tác xây dựng hồ sơ rủi ro hải quan được thực hiện cụ thể như sau:

Thu thập thông tin về vụ việc vi phạm pháp luật hải quan, pháp luật thuế có tính chất điển hình trong hoạt động xuất nhập khẩu; doanh nghiệp, cá nhân hoạt động buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại xảy ra trong lĩnh vực hải quan; các dấu hiệu vi phạm của doanh nghiệp, cá nhân trong hoạt động xuất nhập khẩu.

Phân tích, đánh giá thông tin rủi ro trên cơ sở xem xét độ tin cậy của nguồn thông tin thu thập, tính liên quan của thông tin rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu, tính đầy đủ của nội dung thông tin, tính chính xác của thông tin, tính kịp thời của thông tin.

Dựa trên kết quả đánh giá nội dung thông tin, tiếp tục đánh giá mức độ quan trọng của thông tin rủi ro và tính cần thiết của việc xác lập hồ sơ rủi ro.

Kết quả là, hồ sơ rủi ro hải quan được xác lập, chia sẻ thông tin tới Hải quan các cấp phục vụ công tác nghiệp vụ.

### ***Quản lý hồ sơ rủi ro hải quan***

Quản lý hồ sơ rủi ro là việc tổ chức lưu trữ thông tin, dữ liệu rủi ro đã được xác định, phân tích và đánh giá. Các thông tin, dữ liệu này dưới dạng hồ sơ giấy hoặc cơ sở dữ liệu nhằm giúp cho việc hệ thống hoá các rủi ro cũng

n như việc cung cấp các công cụ cần thiết cho việc truy cập, khai thác và sử dụng trong quá trình quản lý rủi ro.

Hồ sơ rủi ro hải quan sau khi phê duyệt được cập nhật vào hệ thống để quản lý, chia sẻ và cung cấp thông tin rủi ro cho đơn vị nghiệp vụ tại Hải quan các cấp.

Trong quá trình hoạt động, hồ sơ rủi ro phải được cập nhật bổ sung thông tin ngay khi phát sinh các dấu hiệu rủi ro hoặc các yếu tố khác liên quan cũng như việc tiến hành thanh loại hồ sơ rủi ro đối với trường hợp doanh nghiệp giải thể, phá sản, ngừng hoạt động hoặc các trường hợp qua phân tích cho thấy tần suất và hậu quả rủi ro thấp.

### ***Ứng dụng hồ sơ rủi ro hải quan***

Ứng dụng hồ sơ rủi ro là việc phổ biến, cung cấp các rủi ro đã được xác định tới các đơn vị nghiệp vụ liên quan giúp cho việc nhận biết và lựa chọn các rủi ro để xử lý rủi ro, kiểm soát bằng các biện pháp phù hợp, có hiệu quả.

Căn cứ hình thức, mức độ và tần suất áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro dựa trên tính chất và cấp độ quan trọng của từng hồ sơ rủi ro mà hồ sơ đó có thể được nghiên cứu, thiết lập, áp dụng phù hợp chỉ số tiêu chí lựa chọn kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan (chú ý: tuyệt đối không được sử dụng hồ sơ rủi ro làm căn cứ duy nhất để quyết định việc áp dụng các biện pháp nêu trên) hoặc được nghiên cứu, tham mưu đề xuất xây dựng, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch kiểm soát rủi ro; hoặc được nghiên cứu, khai thác để theo dõi, phân tích, đánh giá các đối tượng rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu,...

## **1.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng quản lý rủi ro vào quy trình thủ tục Hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**

### ***1.3.1 Các yếu tố thuộc về Nhà nước***

Nhà nước và Chính phủ thực hiện đường lối chính sách mở cửa cùng với hội nhập quốc tế và hiện đại hóa thủ tục hải quan sẽ thúc đẩy hoạt động thương mại và nâng cao chất lượng cũng như hiệu quả quản lý rủi ro trong lĩnh

vực Hải quan. Cùng với đó, các chính sách thúc đẩy xuất nhập khẩu hay bảo hộ hàng trong nước cũng ảnh hưởng đến quản lý rủi ro của ngành Hải quan.

Hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước ở mức cao sẽ tạo môi trường tốt khuyến khích doanh nghiệp tuân thủ pháp luật nói chung, pháp luật về Hải quan nói riêng. Ngược lại, một Nhà nước không thể quản lý xã hội theo luật một cách nghiêm minh sẽ là mảnh đất tươi tốt cho rủi ro không tuân thủ trong lĩnh vực Hải quan phát triển đến mức làm vô hiệu hóa hiệu quả quản lý rủi ro. Bởi khi hành vi không tuân thủ pháp luật trở thành phổ biến thì việc tuân thủ pháp luật trở thành rủi ro.

Đặc thù riêng của ngành Hải quan: có truyền thống lâu dài, được tổ chức theo nguyên tắc tập trung từ trung ương đến địa phương với sự đầu tư công nghệ, kỹ thuật hiện đại và có sự hợp tác quốc tế với nhiệm vụ quan trọng nhất là thực hiện kiểm tra, giám sát hàng hoá, phương tiện vận tải; phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới; tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; thống kê hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; kiến nghị chủ trương, biện pháp quản lý Nhà nước về Hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và chính sách thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. Do đó nó được sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước [21].

### ***1.3.2. Các quy định pháp lý của các tổ chức quốc tế về thủ tục Hải quan***

#### ***Quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)***

WTO có những quy định chung cho các nước khi tham gia vào tổ chức này và đó cũng là động lực cũng như rào cản cho những mặt hàng xuất khẩu của các nước.

WTO khuyến khích mọi cải cách thủ tục Hải quan theo hướng tạo thuận lợi cho thương mại giữa các nước. Theo tinh thần đó, WTO có hiệp định về thuế quan và hài hòa thủ tục Hải quan trong đó quy định các nguyên tắc mà Hải quan các nước phải tuân thủ như nguyên tắc dựa vào giá giao dịch để

đánh thuế quan, nguyên tắc không sử dụng thủ tục Hải quan để cản trở không cần thiết hoạt động thương mại, nguyên tắc không phân biệt đối xử khi tiến hành thủ tục Hải quan đối với hàng hóa của các nước khác nhau, trừ ngoại lệ về các liên kết khu vực, nguyên tắc hài hòa hóa thủ tục Hải quan giữa các nước... Trong những khuyến nghị có tính nguyên tắc đó, WTO khuyến khích các nước áp dụng các tiêu chuẩn hóa về thủ tục Hải quan do Tổ chức Hải quan Thế giới khuyến nghị mà một trong những nội dung khuyến nghị là áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro khi làm thủ tục Hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu.

Trong các đàm phán thương mại định kỳ, WTO gây sức ép nhất định để các chính phủ phải cải cách Hải quan theo hướng áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro. Đặc biệt, khi kết nạp thành viên mới, các thành viên cũ cũng gây áp lực để các thành viên mới buộc phải cam kết thực hiện kỹ thuật quản lý rủi ro khi làm thủ tục thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu.

Nói cách khác, quản lý rủi ro trong quy trình thủ tục Hải quan được WTO ủng hộ và gây áp lực phải thực hiện. Do đó các nước là thành viên WTO, không sớm thì muộn cũng phải cải cách thủ tục Hải quan theo hướng áp dụng rộng rãi kỹ thuật quản lý rủi ro.

### ***Quy định của các tổ chức quốc tế khác***

\*Ảnh hưởng của những quy định của Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC) đến áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro vào hoạt động Hải quan.

APEC là một tổ chức rộng lớn có ảnh hưởng quan trọng đến kinh tế thế giới. Với số lượng 21 thành viên, tổng kim ngạch mậu dịch hàng hóa của APEC đã chiếm tới 50% kim ngạch mậu dịch toàn cầu, APEC được xem là khu vực năng động nhất trên toàn thế giới, APEC trở thành một siêu cường tiêu thụ mạnh hàng hóa, cũng như một trung tâm sản xuất công nghiệp đứng hàng đầu thế giới.

Một trong những mục tiêu của APEC là thúc đẩy tiến trình tự do hóa thương mại và đầu tư trong khu vực Châu Á- Thái Bình Dương nói riêng và thế giới nói chung. Vì thế, APEC khuyến khích các nước nội khối thực hiện cải cách Hải quan theo các nguyên tắc của WTO, thậm chí đi trước một bước nếu như WTO tiến hành đàm phán quá chậm chạp.

Tuy nhiên, các khuyến nghị của APEC phần lớn mang tính tự nguyện, gây ảnh hưởng chủ yếu thông qua tác động kinh tế và uy tín trong thương mại nên áp lực đòi hỏi áp dụng quản lý rủi ro trong thủ tục Hải quan có đặt ra nhưng không ráo riết như trong WTO.

***\* Ảnh hưởng của những quy định trong Khu vực mậu dịch tự do ASEAN(AFTA) đến áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro vào hoạt động Hải quan***

ASEAN hiện đang là một khu vực có tốc độ phát triển nhanh nhất, thu hút được sự chú ý của các siêu cường. Gia đình ASEAN gồm 10 thành viên với diện tích 4,5 triệu km, với 505 triệu dân và 731 tỷ USD GDP.

Mục đích của AFTA là thực hiện tự do hóa thương mại trong khu vực, tăng cường thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào khu vực bằng việc đưa ra thị trường thống nhất và làm cho ASEAN thích nghi với những điều kiện kinh tế quốc tế đang thay đổi, đặc biệt là việc phát triển những thỏa thuận thương mại khu vực thế giới.

Để biến ASEAN thành khu vực mậu dịch tự do các nước đã ký Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT), trong đó, ngoài mục tiêu giảm thuế suất thuế nhập khẩu đối với đa số các mặt hàng nhập khẩu giữa các nước ASEAN xuống còn 0- 5%, còn khuyến nghị các nước tích cực hài hòa thủ tục Hải quan với nhau, trong đó các yêu cầu về áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro được nhấn mạnh

### ***1.3.3 Các yếu tố thuộc về cơ quan Hải quan***

Bản thân ngành Hải quan cũng có những tác động không nhỏ đến QLRR.

Ngành Hải quan là một cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, do vậy, trong việc áp dụng quản lý rủi ro vào hoạt động Hải quan, nếu cơ quan này tích cực và ưu tiên cho việc áp dụng những thành tựu kỹ thuật mới thì sẽ cho hiệu quả tốt, ngược lại nếu thực hiện theo chiều lệ hoặc hình thức thì dẫn đến sự trì trệ và gây ra những tổn thất cho nền kinh tế.

Chất lượng nguồn nhân lực của ngành Hải quan: thái độ và sự thành thạo nghiệp vụ quản lý rủi ro của nhân viên Hải quan quyết định mức độ thành công của quản lý rủi ro. Cán bộ Hải quan phải được đào tạo để có trình độ chuyên môn để áp dụng được những ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, các máy móc hiện đại, thu thập thông tin và phân tích, đánh giá thông tin ở trình độ cao. Thái độ nhân viên đối với công việc cũng ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả của việc quản lý rủi ro;

Cơ sở vật chất kỹ thuật: ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình quản lý rủi ro. Hiện nay, khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão, quản lý rủi ro theo các giác độ: mức độ phủ khắp của mạng lưới thông tin điện tử; khả năng truy cập và xử lý nhanh không có lỗi, khả năng nối mạng và phối hợp với các cơ quan khác trong thu thập và sử dụng thông tin; khả năng thiết lập mạng lưới thu thập thông tin ở nước ngoài... Phạm vi và mức độ chính xác của quản lý rủi ro trong quy trình thủ tục Hải quan phụ thuộc vào mức độ đầy đủ và cập nhật của thông tin do cơ sở vật chất của Hải quan đem lại. Cơ sở kỹ thuật càng hiện đại thì hiệu quả quản lý rủi ro càng cao.

### ***1.3.4 Các yếu tố thuộc về doanh nghiệp***

Số lượng, quy mô, tính chất và mức độ đa dạng của doanh nghiệp tham gia ngoại thương ảnh hưởng lớn đến áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro trong quy trình thủ tục Hải quan. Số lượng doanh nghiệp nhiều đòi hỏi lượng thông tin

cập nhật nhiều gây áp lực cho hệ thống bảo đảm thông tin của Hải quan. Quy mô doanh nghiệp khác nhau cũng đòi hỏi phương thức xử lý khác nhau. Với các doanh nghiệp lớn, chi phí Hải quan có thể giảm trên đầu sản phẩm thông quan. Quy mô doanh nghiệp nhỏ dẫn đến lượng hàng thông quan manh mún gây khó khăn cho quản lý Hải quan nói chung, áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro nói riêng. Tính đa dạng của doanh nghiệp cũng đòi hỏi cơ quan Hải quan phải thu thập nhiều thông tin đa dạng hơn, trang bị nhiều kỹ năng, phương tiện hơn...Ngoài ra, hệ thống doanh nghiệp chưa phát triển ổn định, số lượng doanh nghiệp biến động nhiều cũng là yếu tố gây khó khăn cho QLRR.

Mặt khác, thái độ của thương gia cũng như đạo đức kinh doanh của họ cũng ảnh hưởng đến chất lượng quản lý rủi ro. Một thương gia hoạt động tuân thủ pháp luật, kinh doanh trong sạch với khối lượng hàng hóa lớn thì việc áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro cũng dễ dàng hơn

### ***1.3.5 Các yếu tố thuộc về hàng hóa xuất, nhập khẩu***

Quy mô hàng hóa, chất lượng và khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu có ảnh hưởng đến việc thu thập thông tin và quản lý hàng hóa. Khối lượng hàng hóa lớn, chủng loại hàng hóa đa dạng thì sẽ tạo ra việc quản lý rủi ro càng khó khăn hơn. Mặt khác, việc quy định danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu hiện nay còn nhiều bất cập; chủng loại hàng hóa, xuất xứ hàng hóa thực thi theo những chế độ thuế quan khác nhau ...làm cho quản lý rủi ro trở nên phức tạp hơn.

### ***1.3.6 Các yếu tố thuộc về thị trường thế giới***

Thị trường thế giới hiện nay có nhiều biến động, xu thế toàn cầu hóa buộc các nước phải hợp tác cùng nhau nhiều hơn nữa trong lĩnh vực Hải quan dẫn đến quản lý rủi ro ngày càng được chú trọng và không ngừng phát triển để theo kịp sự phát triển của thương mại quốc tế. Sự hình thành khu vực mậu dịch tự do là một nhân tố ảnh hưởng tích cực đến việc khuyến khích hải quan các nước áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro. Bởi vì trong khu vực mậu dịch tự

do, các nước đồng ý để loại trừ thuế quan, hạn ngạch và ưu đãi trong phần lớn trao đổi thương mại hàng hóa và dịch vụ giữa các quốc gia. Khi một nước tiến hành áp dụng quản lý rủi ro vào hoạt động Hải quan thì bắt buộc các nước còn lại cũng phải thực hiện.

#### **1.4. Kinh nghiệm áp dụng quản lý rủi ro vào quy trình thủ tục Hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu**

##### ***1.4.1 Kinh nghiệm quản lý rủi ro của Hải quan Anh***

Hệ thống quản lý rủi ro của Hải quan Anh là hệ thống được áp dụng thống nhất trong Liên minh Châu Âu và sử dụng chung một hệ thống công nghệ thông tin với các nước này. Cơ sở pháp lý để xây dựng hệ thống quản lý rủi ro của Hải quan Anh cũng dựa trên các quy định pháp luật của EC. Đồng thời, Anh căn cứ vào các văn bản trên tự xây dựng văn bản hướng dẫn riêng cho mình. Nhờ thống nhất quy định chung và dựa trên hệ thống công nghệ thông tin thống nhất nên tiêu chí rủi ro được tất cả các thành viên hài hòa và thống nhất trong toàn khối, thông tin về quản lý rủi ro được trao đổi giữa các nước thành viên trong khối nhanh chóng và chính xác.

Việc triển khai quản lý rủi ro của Hải quan Anh bao gồm thu thập thông tin và chuyển hóa thành thông tin tình báo để cung cấp cho các đơn vị nghiệp vụ sử dụng. Quan hệ phối hợp giữa lực lượng tình báo, quản lý rủi ro và điều tra chống tội phạm của Hải quan Anh rất chặt chẽ. Các thông tin tình báo thu được từ các nguồn được chuyển cho bộ phận quản lý rủi ro và điều tra tội phạm để thực hiện các công việc liên quan đến thông quan hàng hóa, xác định mức độ tuân thủ, thu thuế, đấu tranh chống buôn lậu hàng cấm, chống khủng bố...

Việc xác định các lô hàng có độ rủi ro cao sử dụng phương pháp xác định rủi ro dựa trên thông tin tình báo và các thông tin khác có liên quan đến lô hàng như thông tin về quá trình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp, thông tin về chấp hành pháp luật về thuế, thông tin về lô hàng lấy từ hệ thống



thông tin của doanh nghiệp vận tải, thông tin quản lý công dân, điều tra tình hình dân số...

#### ***1.4.2 Kinh nghiệm quản lý rủi ro của Hải quan Italia***

Hải quan Italia đã xây dựng và triển khai thành công hệ thống tự động hóa Hải quan trên cơ sở tái thiết kế quy trình nghiệp vụ và các hoạt động liên quan khác theo hướng đơn giản và tuân theo các chuẩn mực của Công ước Kyoto sửa đổi của Tổ chức Hải quan Thế giới. Việc tái thiết kế quy trình được thực hiện trên nền tảng cơ chế một cửa/ một điểm dừng với việc xử lý kiểm tra theo kỹ thuật quản lý rủi ro.

Về áp dụng QLRR, Hải quan Italia đang áp dụng bộ tiêu chí của EU để ra quyết định xử lý khai báo và thông quan. Tuy nhiên, quan hệ giữa bộ tiêu chí quốc gia và bộ tiêu chí của EU còn có khoảng cách cần được san lấp do những đặc thù giữa quốc gia và khối. Thực tế, 28 nước thuộc EU đều áp dụng bộ tiêu chí QLRR chung nhưng việc triển khai lại khác nhau với những mức độ khác nhau.

Là quốc gia có đường biên giới biển dài ở Châu Âu, Hải quan Italia đã được đầu tư thích đáng về phương tiện kiểm soát cảng biển và kiểm tra hàng hoá vận chuyển đường biển. Hiện có 28 máy soi container (nhiều nhất so với các cơ quan Hải quan trong khối EU) được bố trí tại hầu hết cảng biển của nước này.

#### ***1.4.3 Kinh nghiệm quản lý rủi ro của Hải quan Trung Quốc***

Các tiêu chí rủi ro cấp Tổng cục có hiệu lực trên toàn quốc, các tiêu chí rủi ro cấp Cục có hiệu lực trong vùng quản lý Hải quan thuộc thẩm quyền của Cục Hải quan. Công chức Hải quan tại các địa điểm làm thủ tục Hải quan có trách nhiệm thực hiện theo các yêu cầu của hệ thống và phản hồi, báo cáo kết quả vào hệ thống. Lãnh đạo đơn vị làm thủ tục Hải quan (Chi cục Hải quan và Điểm thông quan) không tham gia quyết định hình thức - mức độ kiểm tra mà có trách nhiệm giám sát quá trình thực thi của công chức Hải quan.

Tổng cục Hải quan Trung Quốc có một bộ phận chức năng chuyên trách quản lý rủi ro là Phòng Quản lý rủi ro thuộc Cục Kiểm tra sau thông quan. Đồng thời, tại các Hải quan vùng, Hải quan Trung Quốc đã thành lập bộ phận quản lý rủi ro hoạt động độc lập với các bộ phận nghiệp vụ khác. Bộ phận này chịu trách nhiệm toàn bộ trong các hoạt động quản lý rủi ro, gồm: thu thập thông tin rủi ro từ hệ thống thủ tục Hải quan điện tử; thu thập thông tin từ các nguồn khác; phân tích - đánh giá rủi ro; xây dựng tiêu chí rủi ro; xây dựng các chỉ dẫn rủi ro; phân tích thông tin phản hồi; định kỳ rà soát - điều chỉnh - bổ sung - loại bỏ các tiêu chí rủi ro.

Một nguyên tắc chung được đưa ra và bắt buộc mọi công chức Hải quan phải tuân thủ là: thực hiện hoàn toàn theo các chỉ dẫn, hướng dẫn nghiệp vụ của hệ thống quản lý rủi ro. Nhiều kỹ thuật kiểm tra nghiệp vụ của Hải quan Trung Quốc đã được xây dựng chương trình và tự động hóa ngay trong quá trình hệ thống xử lý thông tin tờ khai Hải quan của doanh nghiệp. Do vậy, sự tác động của công chức lên quá trình xử lý tờ khai hải quan và kiểm tra Hải quan được giảm bớt, từ đó áp lực công việc đối với công chức Hải quan giảm đi, làm tăng tốc độ thông quan hàng hóa nhưng vẫn bảo đảm hiệu quả quản lý Hải quan.

Công tác QLRR của Hải quan Trung Quốc được thực hiện theo hệ thống khép kín, gồm các bước: thu thập thông tin rủi ro - phân tích rủi ro - kiểm soát rủi ro - đánh giá rủi ro - quyết định xử lý nghiệp vụ.

Thông tin rủi ro là những thông tin thu thập vào hệ thống QLRR từ các nguồn khác nhau trong quá trình thực thi các quy trình và quản lý Hải quan, từ đó cho thấy những nguy cơ đối với hoạt động quản lý Hải quan, như thông tin từ kiểm tra thực tế hàng hóa, thông tin về xu hướng gian lận, thông tin từ các báo cáo nghiệp vụ...

Kiểm soát rủi ro cũng là một mắt xích quan trọng trong quản lý rủi ro của Hải quan Trung Quốc. Bằng nghiệp vụ kiểm soát rủi ro, Hải quan sẽ áp

dụng các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa hoặc kiểm soát các rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện các thủ tục Hải quan.

Nguyên tắc của kiểm soát rủi ro là: phân lớp để kiểm soát, tối thiểu hóa sự can thiệp từ bên ngoài, phù hợp với thực tế, và ứng dụng công nghệ thông tin. Do đó, Hải quan áp dụng các phương pháp kiểm soát phù hợp với từng đối tượng và từng loại rủi ro, như: loại bỏ rủi ro, chuyển giao rủi ro, ngăn ngừa rủi ro...

Hệ thống QLRR của Hải quan Trung Quốc thực hiện thu thập thông tin về doanh nghiệp trên mọi mặt hoạt động: thời gian và lịch sử hoạt động, lĩnh vực đầu tư, ngành hàng kinh doanh xuất nhập khẩu, địa điểm và khu vực hoạt động, quy mô đầu tư, nhân thân người sở hữu và các nhà quản lý... Từ phân tích thông tin doanh nghiệp, Hải quan Trung Quốc phân chia các doanh nghiệp thành 5 loại: Doanh nghiệp AA, doanh nghiệp A, doanh nghiệp B, doanh nghiệp C và doanh nghiệp D

Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cũng là đối tượng được phân tích, đánh giá trong quản lý rủi ro theo nhiều tiêu thức phân loại:

*Phân loại theo chính sách thuế bao gồm:* hàng hóa có thuế, hàng miễn thuế, hàng có ân hạn thuế, hàng tạm miễn thuế, hàng không có thuế và hàng hóa có chính sách thuế đặc biệt.

*Phân loại theo chính sách thương mại bao gồm:* hàng thông thường, hàng có chế độ đặc thù; hàng hóa là nguyên liệu sản xuất sản phẩm xuất khẩu, hàng tạm quản, hàng quá cảnh và hàng hóa xuất nhập khẩu theo chính sách đặc biệt.

*Phân loại theo quy trình thủ tục Hải quan bao gồm:* thủ tục thông thường; thủ tục thông quan nhanh - khai trước và kiểm tra sau thông quan trong thời hạn nhất định; thủ tục Hải quan nhanh và thanh lý (thanh khoản) sau khi kết thúc giai đoạn quản lý; thủ tục Hải quan nhanh trên cơ sở có bảo

đảm và thanh lý sau khi tái xuất - tái nhập hàng hóa; thủ tục Hải quan trên cơ sở thủ tục đối với phương tiện vận tải; và thủ tục Hải quan đặc biệt.

Với hệ thống QLRR như trên, Hải quan Trung Quốc đã và đang triển khai rất hiệu quả các mặt hoạt động quản lý Hải quan. Các bộ phận nghiệp vụ và từng công chức Hải quan được xác định rất rõ phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình và cùng hợp tác chặt chẽ với nhau để nâng cao hiệu quả hoạt động chung của ngành.

#### ***1.4.4 Bài học kinh nghiệm cho Cục Hải quan Hải Phòng.***

Việc áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro đã mang lại những hiệu quả tích cực trong kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu. Qua phân tích kinh nghiệm của một số nước trên thế giới, rút ra những bài học về quản lý rủi ro:

Sử dụng kỹ thuật quản lý rủi ro là một tất yếu trong quản lý Hải quan nhằm cân bằng giữa kiểm soát và tạo thuận lợi cho thương mại khi mà xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đang lan rộng, khu vực mậu dịch tự do ngày càng phát triển và sự tiến bộ vượt bậc của khoa học kỹ thuật. Cần khẩn trương triển khai nhanh kỹ thuật quản lý rủi ro trong các khâu nghiệp vụ Hải quan. Xây dựng hệ thống tiêu chí rủi ro, đảm bảo thông tin đầy đủ, đồng bộ, cập nhật, nhất là hệ thống thông tin tình báo để thực hiện các công việc liên quan đến thông quan hàng hóa, xác định mức độ tuân thủ, thu thuế, đấu tranh chống buôn lậu hàng cấm, chống khủng bố... Hệ thống này đòi hỏi sự đầu tư lớn về tài chính, con người có trình độ cao và những máy móc kỹ thuật hiện đại.

Quản lý rủi ro phải được triển khai gắn với quá trình hiện đại hóa Hải quan, áp dụng công nghệ thông tin và thực hiện thông quan điện tử nhằm rút ngắn thời gian làm thủ tục thông quan cũng như kiểm tra, kiểm soát được khối lượng, chất lượng hàng xuất khẩu.

Thực hiện quản lý rủi ro theo quy trình khép kín: thu thập thông tin rủi ro - phân tích rủi ro - kiểm soát rủi ro - đánh giá rủi ro - quyết định xử lý

nghiệp vụ sẽ giúp cho hoạt động Hải quan được thông suốt và rõ ràng hơn, tránh gây tổn hại cho thương gia và lợi ích của quốc gia.

Có sự phối hợp tích cực giữa các bộ phận của quản lý Hải quan cũng như có sự phối hợp liên ngành trong quản lý rủi ro. Công tác phối hợp đóng vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện có hiệu quả công việc áp dụng quản lý rủi ro trong thủ tục Hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Cơ quan Hải quan phải có thẩm quyền tiếp cận và sử dụng các hồ sơ, các dữ liệu thương mại về hoạt động mua hàng hóa, giao dịch ngoại tệ, vận chuyển hàng hóa, bán hàng hóa sau khi nhập khẩu có liên quan của các doanh nghiệp từ ngân hàng, cơ quan Thuế nội địa, cơ quan Bảo hiểm, cơ quan Quản lý thị trường, cơ quan Công an cũng như các cơ quan khác có liên quan.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ RỦI RO ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT, NHẬP KHẨU TẠI CỤC HẢI QUAN HẢI PHÒNG**

### **2.1 Quá trình hình thành, phát triển của Cục Hải quan Hải Phòng.**

#### ***2.1.1 Lịch sử hình thành phát triển***

Tên đầy đủ: Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ: Số 159 đường Lê Hồng Phong, P. Hải An, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: (022) 53 836 262

Website: [www.hpcustoms.gov.vn](http://www.hpcustoms.gov.vn)

Cục Hải quan thành phố Hải Phòng được thành lập ngày 14 tháng 4 năm 1955 theo Nghị định số 87/BTC-NĐ-KB của Bộ công thương. Các đơn vị trực thuộc Cục bao gồm: phòng Tổ chức cán bộ; phòng Hành chính quản trị; phòng Giám quản hàng hoá xuất nhập khẩu và công cụ vận tải xuất nhập cảnh; phòng Kiểm hoá và thuế – Giá biểu; Phòng Kiểm nghiệm hàng hoá; phòng Kiểm soát và xử lý; phòng Thuyền vụ làm nhiệm vụ bảo quản, điều động phương tiện thuỷ các loại để phục vụ công tác kiểm soát, sửa chữa, đóng mới tàu thuyền; đội Kiểm soát, giám sát vùng duyên hải; đội Thương cảng; phòng Hải quan Hòn Gai; phòng Hải quan Cửa Ông; phòng Hải quan Diêm Điền; phòng Hải quan Đồ Sơn; phòng Hải quan Cát Bà; phòng Quản lý xuất nhập khẩu.

Tháng 4/1958, Bộ Thương nghiệp chia tách thành 2 bộ là Bộ Nội thương và Bộ Ngoại thương, ngành Hải quan trực thuộc Bộ Ngoại thương. Hải quan Hải Phòng được đổi tên là Phân sở Hải quan Hải Phòng và trực thuộc Sở Hải quan Trung ương.

Ngày 17 tháng 6 năm 1962, đổi tên Sở Hải quan Trung ương thành Cục Hải quan Trung ương trực thuộc Bộ Ngoại thương và đổi tên Phân sở Hải quan Hải Phòng thành Phân cục Hải quan Hải Phòng.

Ngày 20/11/1984, sau khi được Hội đồng Nhà nước phê chuẩn thành lập Tổng cục Hải quan, Hội đồng Bộ trưởng đã ra Nghị định 139/HĐBT quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn, tổ chức bộ máy Tổng cục Hải quan. Phân cục Hải quan Hải Phòng được đổi thành Hải quan Thành phố Hải Phòng.

Năm 1994, Hải quan thành phố Hải Phòng được đổi tên thành Cục Hải quan TP Hải Phòng.

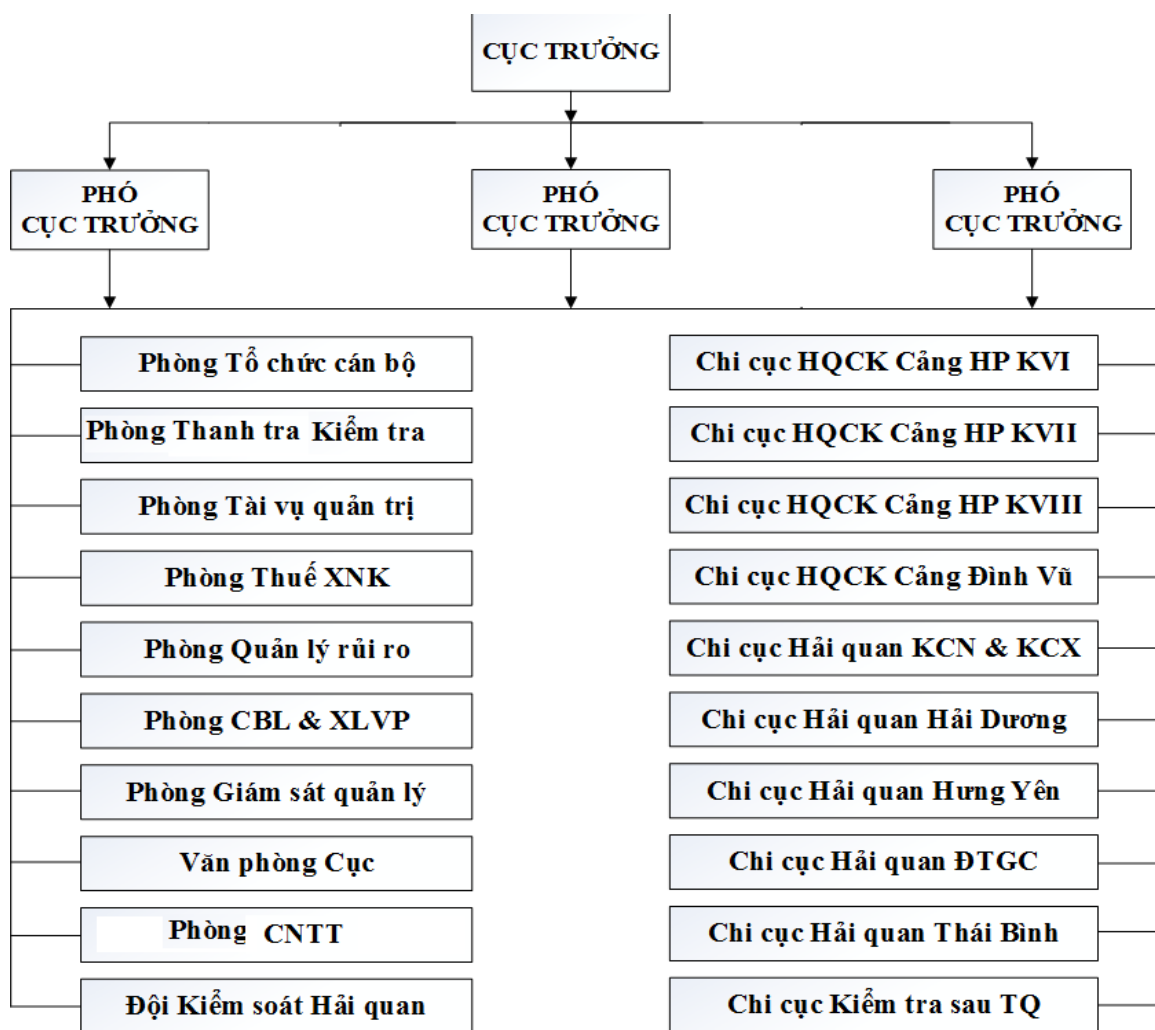
Hải quan Hải Phòng đã phát huy nội lực, sáng tạo, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào quản lý nhà nước về hải quan; liên tục là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua toàn ngành Hải quan.

Cục Hải quan Hải Phòng đã thực hiện đồng bộ các giải pháp: Kiện toàn tổ chức bộ máy; đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, thực hiện kế hoạch cải cách; phát triển, hiện đại hoá Hải quan giai đoạn 2015-2020; công khai hoá quy trình thủ tục Hải quan, niêm yết công khai văn bản mới; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008; tổ chức tuyên truyền pháp luật đến người khai Hải quan, người nộp thuế bằng nhiều hình thức, như: Thông tin đại chúng, tại trụ sở Cục, tư vấn hỗ trợ qua điện thoại... nhằm thu hút hoạt động XNK tại địa bàn, tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp; đẩy mạnh công tác quản lý giá tính thuế.

### ***2.1.2 Cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan Hải Phòng***

Sau khi Luật Hải quan ra đời và có hiệu lực thi hành, bộ máy tổ chức Cục Hải quan Hải phòng được sắp xếp xây dựng theo quy định của Luật Hải quan và phù hợp với các quy định về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và quy trình nghiệp vụ Hải quan.

Hiện nay, Cục có 20 đơn vị trực thuộc bao gồm: 09 chi cục Hải quan cửa khẩu và ngoài cửa khẩu, 09 phòng ban tham mưu, 02 đơn vị tương đương (Đội KSHQ là đơn vị tương đương cấp Chi cục và Chi cục kiểm tra sau thông quan là Chi cục thực hiện chức năng riêng biệt).



Hình 2.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

Nguồn: Phòng tổ chức cán bộ - Cục Hải quan Hải Phòng

+ Phòng Quản lý rủi ro Cục Hải quan Hải Phòng thực hiện các chức năng sau:

- Tổ chức thu nhập, cập nhật thông tin hồ sơ quản lý doanh nghiệp theo phân cấp.
- Tổ chức thu thập, cập nhật phân tích thông tin rủi ro.
- Xây dựng, áp dụng, quản lý hồ sơ QLRR, điều phối hoạt động kiểm tra Hải quan đối với hàng hóa XNK thương mại trong phạm vi Cục Hải quan.



- Thiết lập, cập nhật, áp dụng tiêu chí phân tích phục vụ đánh giá rủi ro, đảm bảo hiệu quả hoạt động kiểm tra trong thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK thương mại.

- Theo dõi, kiểm tra quá trình áp dụng QLRR, đánh giá hiệu quả áp dụng QLRR, điều chỉnh bổ sung chương trình, kế hoạch áp dụng QLRR tại Cục Hải quan.

- Quản lý, vận hành hệ thống thông tin phục vụ quản lý rủi ro theo phân cấp.

+ *Các chi cục hải quan thực hiện các chức năng sau*

- Thu thập, cập nhật thông tin rủi ro từ quá trình làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK thương mại.

- Thiết lập, áp dụng các tiêu chí phân tích quyết định hình thức, mức độ kiểm tra tại Chi cục Hải quan.

- Phân tích thông tin, phát hiện các dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan.

- Quyết định hình thức, mức độ kiểm tra và thực hiện hoạt động kiểm tra hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK thương mại.

- Cập nhật, phản hồi thông tin kết quả kiểm tra trong quá trình làm thủ tục hải quan.

- Thu thập phản hồi thông tin, đánh giá hiệu quả áp dụng QLRR tại Chi cục hải quan, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung áp dụng QLRR.

### **2.1.3 Đội ngũ cán bộ, viên chức**

Trong giai đoạn 2012 – 2016, tổng số cán bộ nhân viên tại Cục Hải quan Hải Phòng có xu hướng gia tăng khá nhanh. Năm 2012 đơn vị có 918 cán bộ, nhân viên. Năm 2013 tăng lên 928 người (tăng 1.09% so với năm 2012). Năm 2014 đơn vị có 932 cán bộ, nhân viên (tăng 0.43% so với năm 2013). Năm 2015 tăng lên 938 người (tăng 0.6% so với năm 2014); đến năm 2016 là 949 người (tăng 1.2 % so với năm 2015).

Song song với tình hình gia tăng về mặt số lượng thì trình độ của cán bộ, nhân viên Cục Hải quan Hải Phòng cũng ngày càng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu và đòi hỏi của công việc. Điều này được thể hiện qua sự gia tăng của số lượng cán bộ, nhân viên có trình độ đại học, cao đẳng. Năm 2014 số cán bộ nhân viên có trình độ đại học, cao đẳng chiếm đến 757 người, tương đương với 81.2%. Năm 2015 tăng lên 759 người, tương đương với 80.9% tổng số cán bộ, nhân viên. Đến năm 2016 số lượng này giảm xuống còn 757 người (chiếm 79%).

**Bảng 2.1: Tình hình nhân sự của Cục Hải Quan Hải Phòng**

(Đơn vị: người)

Tiêu chí		Tổng số NV	Trên đại học	Đại học, cao đẳng	Trung cấp
2012	Số lượng	918	161	752	5
	Tỷ lệ (%)	100	17.54	81.92	0.54
2013	Số lượng	928	165	756	7
	Tỷ lệ (%)	100	17.78	81.47	0.75
2014	Số lượng	932	168	757	7
	Tỷ lệ (%)	100	18.03	81.22	0.75
2015	Số lượng	938	172	759	7
	Tỷ lệ (%)	100	18.34	80.92	0.75
2016	Số lượng	949	185	757	7
	Tỷ lệ (%)	100	19.49	79.77	0.74
Chênh lệch 2013_2012	Số lượng	10	4	4	2
	Tỷ lệ (%)	1.09	2.48	0.53	40.00
Chênh lệch 2014_2013	Số lượng	4	3	1	-
	Tỷ lệ (%)	0.43	1.82	0.13	-
Chênh lệch 2015_2014	Số lượng	6	4	2	0
	Tỷ lệ (%)	0.64	2.38	0.26	-
Chênh lệch 2016_2015	Số lượng	11	13	-2	0
	Tỷ lệ (%)	1.17	7.56	(0.26)	-

*Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Cục Hải quan Hải Phòng (giai đoạn 2012 – 2016)*

Ngoài ra, số lượng cán bộ, nhân viên có trình độ trên đại học cũng chiếm tỷ lệ tương đối cao. Tất cả các năm trong giai đoạn số lượng cán bộ, nhân viên có trình độ trên đại học đều chiếm tỷ lệ trên 18% tổng số nhân viên đơn vị. Có được kết quả này chính là nhờ lãnh đạo Cục Hải quan Hải Phòng đã luôn chú trọng và đặt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, phát triển nguồn nhân lực lên hàng đầu, để có thể đáp ứng được những đòi hỏi cấp thiết của công cuộc cải cách, hiện đại hóa Hải quan cũng như yêu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

#### **2.1.4 Một số kết quả đã đạt được của Cục Hải quan Hải Phòng**

##### **Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa (giai đoạn 2012 – 2016)**

**Bảng 2.2: Kim ngạch XNK hàng hóa qua các năm**

(Đơn vị: Tỷ USD)

Tiêu chí		Kim ngạch XK	Kim ngạch NK	Tổng KN XNK
2012	Giá trị	47.85	9.16	<b>57.01</b>
	Tỷ lệ (%)	83.93	16.07	<b>100</b>
2013	Giá trị	49.26	11.29	<b>60.55</b>
	Tỷ lệ (%)	81.35	18.65	<b>100</b>
2014	Giá trị	53.86	8.72	<b>62.58</b>
	Tỷ lệ (%)	86.07	13.93	<b>100</b>
2015	Giá trị	47.86	8.59	<b>56.44</b>
	Tỷ lệ (%)	84.79	15.21	<b>100.00</b>
2016	Giá trị	58.47	12.13	<b>70.60</b>
	Tỷ lệ (%)	82.82	17.18	<b>100.00</b>
Chênh lệch 2013_2012	Giá trị	1.41	2.13	<b>3.54</b>
	Tỷ lệ (%)	2.95	23.25	<b>6.21</b>
Chênh lệch 2014_2013	Giá trị	4.60	(2.57)	<b>2.03</b>
	Tỷ lệ (%)	9.34	(22.76)	<b>3.35</b>
Chênh lệch 2015_2014	Giá trị	(6.00)	(0.13)	<b>(6.14)</b>
	Tỷ lệ (%)	(11.14)	(1.53)	<b>(9.80)</b>
Chênh lệch 2016_2015	Giá trị	10.61	3.55	<b>14.16</b>
	Tỷ lệ (%)	22.18	41.29	<b>25.09</b>

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Cục Hải quan Hải Phòng

(giai đoạn 2012 – 2016)

Giá trị kim ngạch XK tại Cục hải quan Hải Phòng trong giai đoạn 2012 – 2016 không ổn định. Năm 2014 kim ngạch XK đạt 53.86 tỷ USD (chiếm 86% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu). Năm 2015 giảm xuống còn 47.86 tỷ USD (giảm 11.14% so với năm 2014 nên chỉ chiếm 85% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu). Năm 2016 tăng mạnh, đạt 79.45 tỷ USD (tăng 22.18% so với năm 2015 nhưng tỷ trọng giảm xuống còn 83.65% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu).

Giá trị kim ngạch XK tại Cục hải quan Hải Phòng trong giai đoạn 2012 – 2016 không ổn định. Năm 2014 kim ngạch XK đạt 53.86 tỷ USD (chiếm 86% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu). Năm 2015 giảm xuống còn 47.86 tỷ USD (giảm 11.14% so với năm 2014 nên chỉ chiếm 85% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu). Năm 2016 tăng mạnh, đạt 79.45 tỷ USD (tăng 22.18% so với năm 2015 nhưng tỷ trọng giảm xuống còn 83.65% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu).

Kim ngạch NK tại Cục trong giai đoạn 2012 – 2016 cũng không ổn định. Năm 2014 kim ngạch NK đạt 8.72 tỷ USD (chiếm 14% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu). Năm 2015 giảm xuống còn 8.59 tỷ USD (giảm 1.53% so với năm 2014, chiếm 15% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu). Năm 2016 tăng lên đạt 15.53 tỷ USD (tăng 41.3% so với năm 2015 nên tỷ trọng tăng lên đạt 16% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu).

Nguyên nhân của sự thay đổi là do năm 2015 nền kinh tế khá ảm đạm nhưng sang năm 2016 nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi nên các doanh nghiệp có xu hướng nhập khẩu trang thiết bị, nguyên vật liệu để sản xuất nên cả kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu đều tăng.

Hiện nay, hàng hóa làm thủ tục thông quan tại Cục Hải quan Hải Phòng chủ yếu là hàng rời và hàng đóng trong container. Các mặt hàng sắt thép, ô tô nguyên chiếc và phụ tùng, linh kiện lắp ráp ô tô, thiết bị máy móc, nguyên liệu sản xuất, lúa gạo, xăng dầu, ... là những mặt hàng chủ đạo, chiếm phần lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Ngoài quy mô về hàng hóa tăng lên, chủng loại hàng hóa cũng đa dạng hơn, chủ thể XNK càng đa thành phần, thị trường

đi và đến ngày càng được mở rộng... do đó khâu QLRR ngày càng được coi là khâu quan trọng trong nghiệp vụ tại Cục Hải quan Hải Phòng.

**Số lượng tờ khai hàng hóa xuất nhập khẩu Cục Hải quan giải quyết**

**Bảng 2.3: Số lượng tờ khai XNK đã giải quyết tại Cục Hải quan Hải Phòng**

(Đơn vị: tờ khai)

Tiêu chí		Số tờ khai XK	Số tờ khai NK	Tổng số TK
2012	Số lượng	601872	106213	708085
	Tỷ lệ (%)	85.0	15.0	100.0
2013	Số lượng	1294677	176547	1471224
	Tỷ lệ (%)	88	12	100
2014	Số lượng	865,788	135,123	1,000,911
	Tỷ lệ (%)	86.50	13.50	100
2015	Số lượng	1,120,048	58,950	1,178,998
	Tỷ lệ (%)	95.00	5.00	100
2016	Số lượng	1,217,956	91,674	1,309,630
	Tỷ lệ (%)	93.0	7.0	100
Chênh lệch 2015_2013	Số lượng	692,805	70,334	763,139
	Tỷ lệ (%)	115.1	66.2	107.8
Chênh lệch 2016_2014	Số lượng	(428,889)	(41,424)	(470,313)
	Tỷ lệ (%)	(33.1)	(23.5)	(32.0)
Chênh lệch 2015_2014	Số lượng	254,260	(76,173)	178,087
	Tỷ lệ (%)	29.4	(56.4)	17.8
Chênh lệch 2016_2015	Số lượng	97,908	32,724	130,632
	Tỷ lệ (%)	8.74	55.51	11.08

*Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Cục Hải quan Hải Phòng*

*(giai đoạn 2012 – 2016)*

Số lượng tờ khai XNK mà Cục Hải quan Hải Phòng giải quyết được trong giai đoạn 2014 – 2016 không ổn định. Theo đó năm 2014 Cục giải quyết được 969,841 tờ khai, năm 2015 giảm xuống còn 594,607 tờ khai (giảm 38.7% so với năm 2014); năm 2016 số lượng tờ khai giải quyết được đạt 1,309,630 tờ (tăng 120% so với năm 2015).

Số lượng tờ khai XK không ổn định theo các năm, năm 2014 Cục giải quyết được 834,723 tờ khai XK, năm 2015 giảm xuống còn 535,551 tờ khai (giảm 36% so với năm 2014), năm 2016 tăng lên 1,217,959 tờ khai (tăng 127% so với năm 2015).

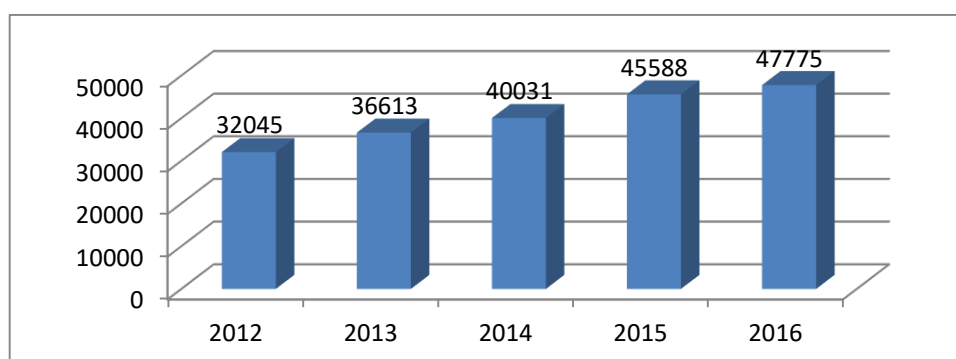
Số lượng tờ khai NK không ổn định qua các năm, năm 2014 Cục giải quyết được 135,118 tờ khai XK, năm 2015 giảm xuống còn 58,950 tờ khai (giảm 56% so với năm 2014), năm 2016 tăng lên 91,671 tờ khai (tăng 55% so với năm 2015).

Có được kết quả này là do năm 2016 nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi và đặc biệt là sự cố gắng vượt bậc của Cục hải quan Hải Phòng.

### **Tổng số thu nộp ngân sách nhà nước**

Một trong những kết quả đáng ghi nhận của Cục Hải quan Hải Phòng giai đoạn 2012 – 2016 đó chính là sự gia tăng của giá trị nộp ngân sách Nhà nước của đơn vị.

Đơn vị tính: Tỷ đồng



(Nguồn: Cục Hải quan Hải Phòng)

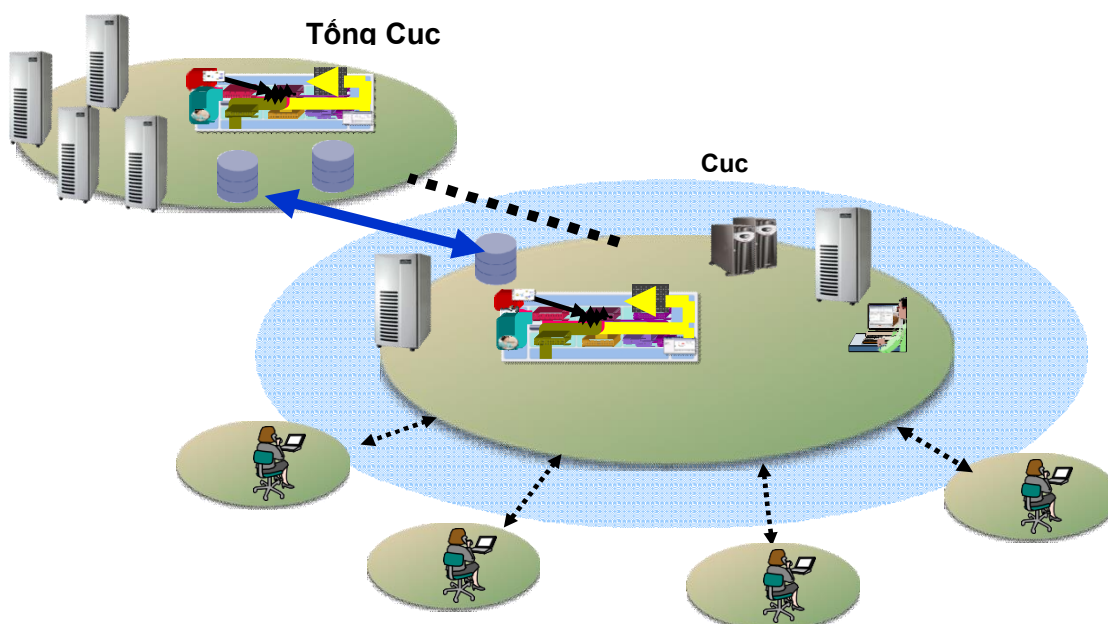
**Hình 2.1: Giá trị nộp ngân sách Nhà nước giai đoạn 2012 – 2016**

Năm 2012 đơn vị thu nộp ngân sách Nhà nước đạt 32,045 tỷ đồng (đạt 65.1% so với chỉ tiêu của Bộ Tài chính giao), năm 2013 tăng lên 36,613 tỷ đồng (tăng 14.3% so với năm 2012, đạt 88,6% so với chỉ tiêu của Bộ Tài chính giao). Năm 2014 tăng lên 40,031 tỷ đồng (tăng 9.3% so với năm 2013, đạt 103.7% so với chỉ tiêu). Năm 2015 tăng lên 45,588 tỷ đồng (tăng 13.9% so với năm 2014, đạt 108.5% so với chỉ tiêu). Năm 2016 tăng lên 47,775 tỷ đồng (tăng 4.8% so với năm 2015, đạt 98.3% so với chỉ tiêu).

## **2.2 Thực trạng áp dụng quản trị rủi ro vào quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng.**

### **2.2.1 Áp dụng quản lý rủi ro đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**

Hiện nay, ngành Hải quan tập trung xây dựng hệ thống các đơn vị chuyên trách QLRR ở 3 cấp: Tổng cục, Cục và Chi cục. Cụ thể, các đơn vị chuyên trách QLRR đảm nhiệm được vai trò điều phối, chủ trì thực hiện công tác thu thập xử lý thông tin và phân tích, đánh giá rủi ro thống nhất được định hướng trong hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát theo dõi các rủi ro trong từng lĩnh vực nghiệp vụ Hải quan.



**Hình 2.2: Mô hình phân cấp quản lý rủi ro theo 03 cấp**  
**Nguồn: Cục Hải quan Hải Phòng**

### ***Cấp Tổng cục:***

- + Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược QLRR (gồm: Hệ thống và cơ chế điều hành QLRR; Chương trình, kế hoạch QLRR; Xây dựng hệ thống thông tin QLRR; Hồ sơ QLRR; Hồ sơ quản lý doanh nghiệp);
- + Thiết lập và áp dụng Tiêu chí QLRR;
- + Điều hành hoạt động QLRR trong phạm vi cấp ngành;
- + Theo dõi, đánh giá quy trình QLRR, đo lường tuân thủ.

### ***Cấp Cục:***

- + Truyền nhận dữ liệu đánh giá rủi ro;
- + Thu thập thông tin phục vụ QLRR (gồm: Bộ chỉ tiêu thông tin quản lý doanh nghiệp; Thông tin vi phạm; Thông tin từ các nghiệp vụ; Thông tin phản hồi từ Chi cục);
- + Xây dựng hồ sơ quản lý rủi ro cấp Cục;
- + Thiết lập tiêu chí động;
- + Theo dõi, hướng dẫn kiểm tra đánh giá việc thực hiện quy trình quản lý rủi ro của các Chi cục;
- + Đánh giá hiệu quả quản lý rủi ro cấp Cục, báo cáo phản hồi về Tổng cục

### ***Cấp Chi cục***

- + Bộ phận quản lý rủi ro
  - Tiếp nhận dữ liệu đánh giá rủi ro từ cấp Cục
  - Thu thập thông tin vi phạm
  - Thu thập thông tin phản hồi
  - Thiết lập tiêu chí phân luồng
  - Tham mưu chuyển luồng
  - Đánh giá hiệu quả QLRR tại Chi cục



+ Các đơn vị xử lý rủi ro

- Thực hiện phân luồng hệ thống
- Xác định rủi ro ngay trong từng khâu nghiệp vụ thông quan
- Phản hồi thông tin (tất cả các bước trong quy trình thông quan).

## ***2.2.2 Đo lường, đánh giá tuân thủ trong hoạt động nghiệp vụ hải quan***

### ***2.2.2.1 Đo lường, đánh giá tuân thủ doanh nghiệp***

**Bảng 2.4: Tình hình phân luồng hàng hóa XNK**

(Đơn vị: tờ khai)

Chỉ tiêu		Luồng xanh	Luồng Vàng			Luồng Đỏ				Tổng cộng
			Theo tiêu chí Tổng cục	Theo tiêu chí Cục	Cộng	Theo tiêu chí Tổng cục	Theo tiêu chí Cục	Do chuyển luồng	Cộng	
Năm 2012	Số lượng	<b>448,562</b>	162,167	11,720	<b>173,887</b>	77,552	1,712	6,372	<b>85,636</b>	<b>708,085</b>
	Tỷ trọng (%)	<b>63.35</b>	93.26	6.74	<b>24.56</b>	90.56	2.00	7.44	<b>12.09</b>	<b>100</b>
Năm 2013	Số lượng	<b>430,536</b>	217,539	20,991	<b>238,530</b>	726,755	16,845	58,558	<b>802,158</b>	<b>1,471,224</b>
	Tỷ trọng (%)	<b>29.26</b>	91.20	8.80	<b>16.21</b>	90.60	2.10	7.30	<b>54.52</b>	<b>100</b>
Năm 2014	Số lượng	<b>482,411</b>	401,112	33,295	<b>434,407</b>	74,918	2,134	7,041	<b>84,093</b>	<b>1,000,911</b>
	Tỷ trọng (%)	<b>48.20</b>	92.34	7.66	<b>43.40</b>	89.09	2.54	8.37	<b>8.40</b>	<b>100</b>
Năm 2015	Số lượng	<b>584,391</b>	488,858	15,545	<b>504,403</b>	64,146	18,735	7,323	<b>90,204</b>	<b>1,178,998</b>
	Tỷ trọng (%)	<b>49.57</b>	96.92	3.08	<b>42.78</b>	71.11	20.77	8.12	<b>7.65</b>	<b>100</b>
Năm 2016	Số lượng	<b>656,268</b>	523,718	53,260	<b>576,978</b>	52,924	17,765	5,695	<b>76,384</b>	<b>1,309,630</b>
	Tỷ trọng (%)	<b>50.11</b>	90.77	9.23	<b>44.06</b>	69.29	23.26	7.46	<b>5.83</b>	<b>100</b>
Chênh lệch 2013_2012	Số lượng	<b>(18,026)</b>	55,372	9,271	<b>64,643</b>	649,203	15,133	52,186	<b>716,522</b>	<b>763,139</b>
	Tỷ trọng (%)	<b>-4.0</b>	34.1	79.1	<b>37.2</b>	837.1	883.9	819.0	<b>836.7</b>	<b>107.8</b>
Chênh lệch 2014_2013	Số lượng	<b>51,875</b>	183,573	12,304	<b>195,877</b>	(651,837)	(14,711)	(51,517)	<b>(718,065)</b>	<b>(470,313)</b>
	Tỷ trọng (%)	<b>12.0</b>	84.4	58.6	<b>82.1</b>	-89.7	-87.3	-88.0	<b>-89.5</b>	<b>-32.0</b>
Chênh lệch 2015_2014	Số lượng	<b>101,980</b>	87,746	(17,750)	<b>69,996</b>	(10,772)	16,601	282	<b>6,111</b>	<b>178,087</b>
	Tỷ trọng (%)	<b>21.1</b>	21.9	-53.3	<b>16.1</b>	-14.4	777.9	4.0	<b>7.3</b>	<b>17.8</b>
Chênh lệch 2016_2015	Số lượng	<b>71,877</b>	34,860	37,715	<b>72,575</b>	(11,222)	(970)	(1,628)	<b>(13,820)</b>	<b>130,632</b>
	Tỷ trọng (%)	<b>12.3</b>	7.1	242.6	<b>14.4</b>	-17.5	-5.2	-22.2	<b>-15.3</b>	<b>11.1</b>

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của phòng QLRR (giai đoạn 2012- 2016)- Cục Hải quan Hải Phòng

Cục Hải quan Hải Phòng đã thực hiện nghiêm quy trình, quy định về phân luồng, chuyển luồng kiểm tra, góp phần giảm đáng kể tỷ lệ kiểm tra chi tiết hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa trong toàn ngành. Số lượng tờ khai luồng xanh có sự gia tăng khá nhanh từ năm 2012 đến năm 2016. Năm 2014 trong tổng số 969,841 tờ khai giải quyết tại Cục Hải quan Hải Phòng thì có 482,411 tờ khai phân luồng xanh (chiếm 49.74%). Năm 2015 số lượng tờ khai luồng xanh tăng lên 584,391 tờ khai (tăng 21% so với năm 2014, đạt 50% tổng số tờ khai đã giải quyết). Đến năm 2016 chỉ tiêu này tiếp tục tăng lên, đạt 656,268 tờ khai (tăng 12% so với năm 2015).

Số lượng tờ khai luồng vàng có sự gia tăng khá nhanh từ năm 2012 đến năm 2016. Năm 2014 có 434,407 tờ khai phân luồng vàng (chiếm 44,79% tổng số tờ khai). Năm 2015 số lượng tờ khai luồng vàng tăng lên 504,403 tờ khai (tăng 16% so với năm 2014, chiếm 43% tổng số tờ khai đã giải quyết). Đến năm 2016 chỉ tiêu này tiếp tục tăng lên, đạt 576,978 tờ khai (tăng 14% so với năm 2015, chiếm 44% tổng số tờ khai).

Số lượng tờ khai luồng đỏ có xu hướng tăng về số lượng nhưng tỷ trọng trong tổng số tờ khai lại giảm. Năm 2014 có 86,318 tờ khai phân luồng đỏ (chiếm 8,9% tổng số tờ khai). Năm 2015 số lượng tờ khai luồng đỏ tăng lên 90,204 tờ khai (tăng 5% so với năm 2014, nhưng chỉ chiếm 8% tổng số tờ khai đã giải quyết). Đến năm 2016 chỉ tiêu này giảm xuống còn 76,384 tờ khai (giảm 15% so với năm 2015, nên chỉ chiếm 6% tổng số tờ khai).

Để có được kết quả này là do Cục đã tạo được môi trường, định hướng, khuyến khích thái độ tuân thủ của doanh nghiệp XNK do đó QLRR được cộng đồng doanh nghiệp ủng hộ. Với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, kết hợp với công tác Kiểm tra sau thông quan, cơ quan Hải quan đánh giá được mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, thời gian thông quan tại cửa khẩu giảm rõ rệt. Nhờ vậy mà tiết kiệm rất nhiều chi phí và thời gian chờ đợi cho doanh nghiệp. Tỷ lệ doanh nghiệp có độ rủi ro thấp được phân vào

luồng xanh liên tục tăng lên. Số lượng và tỷ lệ doanh nghiệp được đánh giá chấp hành tốt pháp luật Hải quan cũng tăng đáng kể.

#### 2.2.2.2 Đo lường tuân thủ pháp luật trong các lĩnh vực hoạt động XNK

**Bảng 2.5: Phát hiện vi phạm trong hoạt động XNK**

(Đơn vị: tờ khai)

Chỉ tiêu		Phát hiện vi phạm TK luồng Vàng (Tổng cục)	Phát hiện vi phạm TK luồng Đỏ (Tổng cục)	Phát hiện vi phạm TK luồng Đỏ (Cục)	Phát hiện vi phạm từ chuyển luồng.	Tổng cộng
Năm 2012	Số lượng	236	98	97	112	543
	Tỷ trọng (%)	43.46	18.05	17.86	20.63	100
Năm 2013	Số lượng	321	128	103	126	678
	Tỷ trọng (%)	47.35	18.88	15.19	18.58	100
Năm 2014	Số lượng	3,384	122	105	115	3,726
	Tỷ trọng (%)	90.82	3.27	2.82	3.09	100
Năm 2015	Số lượng	247	103	99	123	572
	Tỷ trọng (%)	43.18	18.01	17.31	21.50	100
Năm 2016	Số lượng	108	65	28	109	310
	Tỷ trọng (%)	34.84	20.97	9.03	35.16	100
Chênh lệch 2013_2012	Số lượng	85	30	6	14	135
	Tỷ trọng (%)	36.0	30.6	6.2	12.5	24.9
Chênh lệch 2014_2013	Số lượng	3,063	(6)	2	(11)	3,048
	Tỷ trọng (%)	954.2	-4.7	1.9	-8.7	449.6
Chênh lệch 2015_2014	Số lượng	(3,137)	(19)	(6)	8	(3,154)
	Tỷ trọng (%)	-92.7	-15.6	-5.7	7.0	-84.6
Chênh lệch 2014_2015	Số lượng	(139)	(38)	(71)	(14)	(262)
	Tỷ trọng (%)	-56.3	-36.9	-71.7	-11.4	-45.8

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của phòng QLRR (giai đoạn 2012 – 2016) - Cục HQ Hải Phòng

Nhờ áp dụng quy trình quản lý rủi ro và giám sát rủi ro nên số vụ phát hiện vi phạm pháp luật Hải quan giảm. Năm 2014, Cục Hải quan Hải Phòng phát hiện được 3726 tờ khai vi phạm của doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu, chiếm 7.56% số tờ khai. Năm 2015 giảm xuống còn 572 tờ khai (giảm 85% so với năm 2014, chiếm 2.42% tổng số tờ khai). Năm 2016 giảm xuống chỉ còn 310 tờ khai (giảm 46% so với năm 2015, nên tỷ trọng chỉ còn 2.22% tổng số tờ khai).

Tuy nhiên, do cơ chế chính sách ngày càng thông thoáng tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong xuất nhập khẩu hàng hóa, nhưng cũng tạo kẽ hở để một số doanh nghiệp lợi dụng; thủ đoạn vi phạm của một số doanh nghiệp này ngày càng tinh vi, trong khi CBCC làm công tác QLRR tại Chi cục thường kiêm nhiệm không được đào tạo chuyên sâu, kiến thức kinh nghiệm QLRR còn hạn chế. Do đó trong thời gian tới Cục nên bố trí cán bộ chuyên trách về QLRR tại các Chi cục cũng như thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ kiêm nhiệm và chuyên trách về QLRR.

#### **Về chuyển luồng tờ khai hải quan:**

Qua số liệu cho thấy tỷ lệ chuyển luồng tờ khai còn khá cao, đặc biệt là tỷ lệ chuyển từ luồng vàng sang luồng đỏ (trung bình chiếm 38%- 42% tổng số tờ khai chuyển luồng). Tỷ lệ chuyển từ luồng xanh sang luồng vàng cũng khá cao (chiếm 17%- 23% tổng số tờ khai chuyển luồng). Tỷ lệ chuyển từ luồng vàng, luồng đỏ về luồng xanh khá khiêm tốn. Trong thời gian tới, Cục cần chú trọng tới công tác QLRR nhiều hơn nữa.

Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là theo quy định các văn bản về công tác QLRR chủ yếu để ở dạng file cứng theo chế độ “mật”, chưa được cập nhật thường xuyên trên hệ thống thông tin QLRR để các đơn vị có thể khai thác, tham khảo. Do đó, trong thời gian tới Cục nên tổng hợp danh sách các văn bản về công tác QLRR và đăng tải trên Mục tài liệu, hồ sơ

chuyên đề hệ thống Cloud officen để các đơn vị khai thác. Đồng thời sao gửi đến các đơn vị có liên quan để thực hiện (theo chế độ Mật).

Ngoài ra, một số nhóm hàng thuộc đối tượng phải kiểm tra chuyên ngành như tử cây vi sinh (quyết định 50 của Thủ tướng) hoặc các mặt hàng máy móc đã qua sử dụng phải đăng ký giám định (theo thông tư 23) hay xuất khẩu mặt hàng bóng điện màn hình ti vi đã qua sử dụng phải kiểm tra xem có chứa chất thải nguy hại (theo công ước Basel) nhưng trên hệ thống vẫn phân luồng xanh. Do đó công chức hải quan phải báo cáo dừng qua khu vực giám sát đó để kiểm tra hồ sơ hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa để xác định. Trong thời gian tới, Cục nên cập nhật ngay trên hệ thống để phân luồng với các mặt hàng trên mức thấp nhất ở luồng vàng để tránh phát sinh thêm khối lượng công việc cho cửa khẩu và tăng tỷ lệ chuyển luồng tại cửa khẩu.

**Bảng 2.6: Chuyển luồng từ khai hải quan tại Cục Hải quan Hải Phòng** (Đơn vị: tờ khai)

Năm		Xanh - Vàng	Xanh - Đỏ	Vàng - Đỏ	Vàng - Xanh	Đỏ - Xanh	Đỏ - Vàng	Tổng cộng
2012	Số lượng	45,986	10,784	4,161	42	39	719	61,731
	Tỷ lệ (%)	74.5	17.5	6.7	0.1	0.1	1.2	100.0
2013	Số lượng	2,168	3,967	4,540	6	484	894	12,059
	Tỷ lệ (%)	18.0	32.9	37.6	0.0	4.0	7.4	100
2014	Số lượng	3,316	1,208	5,833	2,148	87	1,323	13,915
	Tỷ lệ (%)	23.8	8.7	41.9	15.4	0.6	9.5	100
2015	Số lượng	2,339	1,327	5,996	1,976	128	1,762	13,528
	Tỷ lệ (%)	17.3	9.8	44.3	14.6	0.9	13.0	100
2016	Số lượng	2,385	1,132	4,563	2,021	132	1,816	12,049
	Tỷ lệ (%)	19.8	9.4	37.9	16.8	1.1	15.1	100
CL 2013_2012	Số lượng	(43,818)	(6,817)	379	(36)	445	175	(49,672)
	Tỷ lệ (%)	-95.3	-63.2	9.1	-85.7	1141.0	24.3	-80.5
CL 2014_2013	Số lượng	1,148	(2,759)	1,293	2,142	(397)	429	1,856
	Tỷ lệ (%)	53.0	-69.5	28.5	35700	-82.0	48.0	15.4
CL 2015_2014	Số lượng	(977)	119	163	(172)	41	439	(387)
	Tỷ lệ (%)	-29.5	9.9	2.8	-8.0	47.1	33.2	-2.8
CL 2016_2015	Số lượng	46	(195)	(1,433)	45	4	54	(1,479)
	Tỷ lệ (%)	2.0	-14.7	-23.9	2.3	3.1	3.1	-10.9

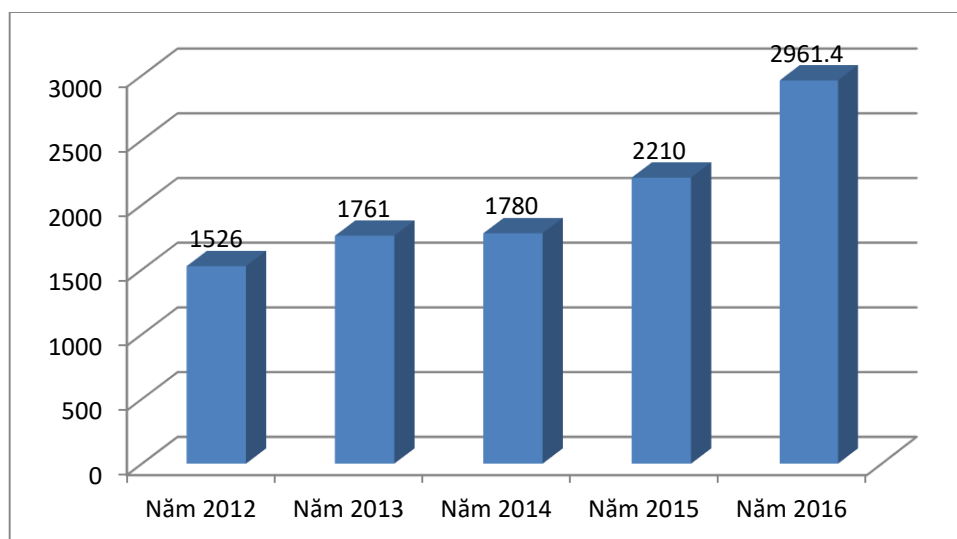
Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Phòng QLRR (giai đoạn 2012 – 2016) - Cục HQ Hải Phòng.

Bên cạnh đó, một số nhóm hàng thuộc đối tượng phải kiểm tra chuyên ngành như tử cây vi sinh (quyết định 50 của Thủ tướng) hoặc các mặt hàng máy móc đã qua sử dụng phải đăng ký giám định (theo thông tư 23) hay xuất khẩu mặt hàng bóng điện màn hình ti vi đã qua sử dụng phải kiểm tra xem có chứa chất thải nguy hại (theo công ước Basel) nhưng trên hệ thống vẫn phân luồng xanh. Do đó công chức hải quan phải báo cáo dừng qua khu vực giám sát đó để kiểm tra hồ sơ hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa để xác định. Trong thời gian tới, Cục nên cập nhật ngay trên hệ thống để phân luồng với các mặt hàng trên mức thấp nhất ở luồng vàng để tránh phát sinh thêm khối lượng công việc cho cửa khẩu và tăng tỷ lệ chuyển luồng tại cửa khẩu.

### 2.2.2.3 Cập nhật hồ sơ doanh nghiệp

Thực hiện chỉ đạo của TCHQ, Cục Hải quan Hải Phòng đã đẩy mạnh công tác thu thập, trao đổi thông tin doanh nghiệp từ các đơn vị trong và ngoài ngành, nâng cao chất lượng đánh giá xếp hạng, đánh giá tuân thủ.

Đơn vị tính: Hồ sơ



**Biểu đồ 2.3: Thu thập, cập nhật thông tin hồ sơ doanh nghiệp**

*Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của phòng QLRR (giai đoạn 2012 – 2016)*



Năm 2104 thu thập, cập nhật vào Hệ thống Riskman 1719 hồ sơ DN, năm 2105 thu thập, cập nhật 2210 hồ sơ, tăng 28,6% so với năm 2014, tăng 110% so với chỉ tiêu đăng ký (1.052 hồ sơ DN). Năm 2106 thu thập, cập nhật 5221 hồ sơ, tăng 136% so với năm 2015. Chất lượng hồ sơ DN ngày càng tăng lên, nội dung thông tin ngày càng đa dạng.

Ngoài thông tin do DN cung cấp theo đề nghị của cơ quan Hải quan, thông tin thu thập từ Internet, thông tin từ các hoạt động nghiệp vụ, đã chú trọng công tác phối hợp thu thập thông tin doanh nghiệp từ các cơ quan, đơn vị chức năng trên địa bàn (đặc biệt các nhóm thông tin về tài chính, thông tin liên quan đến chấp hành pháp luật thuế, thông tin DN bỏ địa chỉ kinh doanh, bị thu hồi giấy phép,...) phục vụ việc rà soát, đánh giá mức độ tuân thủ DN được chính xác.

Tuy nhiên, công tác thu thập thông tin từ DN còn gặp nhiều khó khăn do phụ thuộc vào sự chủ động và chia sẻ của DN, một số DN thay đổi địa chỉ kinh doanh hoặc ngừng hoạt động, nhiều DN không cung cấp thông tin do phải cung cấp mẫu phiếu thu thập thông tin cùng lúc cho nhiều cục Hải quan nơi DN làm thủ tục hải quan.

Hiện nay tại các Chi Cục, cán bộ làm công tác QLRR chủ yếu là kiêm nhiệm, với khối lượng công việc ngày càng tăng liên quan đến công tác thu thập, cập nhật thông tin doanh nghiệp; theo dõi, rà soát tờ khai hủy, sửa, treo; công tác báo cáo... nên dẫn đến tình trạng quá tải trong công việc. Trong thời gian tới Cục nên bổ sung cán bộ chuyên trách làm công tác QLRR để đảm bảo công việc được hiệu quả, đúng quy định.

### ***2.2.3 Đo lường, đánh giá rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan***

#### ***2.2.3.1 Đo lường, đánh giá rủi ro***

Nhờ áp dụng quy trình quản lý rủi ro mà số vụ phát hiện vi phạm pháp luật Hải quan tăng lên đồng thời số thu về cho ngân sách cũng tăng.

*Kết quả kiểm tra bằng máy soi cố định* cho thấy, trong giai đoạn 2012 - 2016, tỷ lệ mở kiểm qua các năm có xu hướng tăng (năm 2014 là 4%, năm 2015 tăng lên 53% và năm 2016 giảm xuống còn 2.72%). Tỷ lệ phát hiện vi phạm trên mở kiểm khá cao và có xu hướng tăng: năm 2014 là 9%, năm 2015 tăng lên 24% và năm 2016 là 12.17%. Tổng thu cho ngân sách từ phạt vi phạm hành chính tăng từ 684 triệu đồng năm 2014 lên 631.5 triệu năm 2016. Số tiền thuế tăng thêm giảm từ 1289 triệu đồng năm 2014 xuống còn 889.6 triệu năm 2016.

**Bảng 2.7: Kết quả kiểm tra hàng XNK qua máy soi container cố định tại Cục Hải quan Hải Phòng.**

Chỉ tiêu		Tổng số TK	Tổng số cont soi	Tổng số cont kiểm thủ công	Tỷ lệ mở kiểm	Tổng số cont vi phạm	Tỷ lệ phát hiện vi phạm/mở kiểm	Tổng số tiền phạt VPHC	Tổng số tiền thuế tăng thêm
<b>ĐVT</b>		Tk	Cont	Cont	%	Cont	%	Trđ	Trđ
<b>2012</b>		2698	3549	1287	36.3	69	5.4	471	1084
<b>2013</b>		<b>2757</b>	<b>3664</b>	<b>1207</b>	32.9	71	5.9	486	1128
<b>2014</b>		1026	5276	1218	23.1	157	12.9	895	1699
<b>2015</b>		12633	15470	822	5.3	87	10.6	932	2524
<b>2016</b>		11945	16602	452	2.7	55	12.2	631.5	889.6
Chênh lệch 2013_2012	<b>Số lượng</b>	59	115	(80)	(3)	2	1	15	44
	<b>Tỷ lệ (%)</b>	2.19	3.24	(6.22)	(9.16)	2.90	9.72	3.18	4.06
Chênh lệch 2014_2013	<b>Số lượng</b>	(1,731)	1,612	11	(10)	86	7	409	571
	<b>Tỷ lệ (%)</b>	(0.63)	0.44	0.01	(0.30)	1.21	1.19	0.84	0.51
Chênh lệch 2015_2014	<b>Số lượng</b>	11,607	10,194	(396)	(18)	(70)	(2)	37	825
	<b>Tỷ lệ (%)</b>	1,131.29	193.21	(32.51)	(76.98)	(44.59)	(17.89)	4.13	48.56
Chênh lệch 2016_2015	<b>Số lượng</b>	(688)	1,132	(370)	(3)	(32)	2	(301)	(1634)
	<b>Tỷ lệ (%)</b>	(5.45)	7.32	(45.01)	(48.76)	(36.78)	14.97	(32.34)	(64.75)

*Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của phòng QLRR (giai đoạn 2012 – 2016).*

Ngoài hệ thống máy soi container cố định, ngày 19/03/2013, Cục Hải quan TP.Hải Phòng đã đưa tiếp máy soi container di động vào hoạt động chính thức tại Cảng Green Port. Cả hai hệ thống có vai trò quan trọng trong việc kiểm tra hàng hóa XNK, đẩy nhanh thông quan và đảm bảo yêu cầu kiểm tra chặt chẽ của Hải quan.

*Kết quả kiểm tra bằng máy soi di động trong giai đoạn 2013 – 2016 cho thấy, tỷ lệ mở kiểm qua các năm có xu hướng tăng (năm 2014 là 1,7%, năm 2015 giảm xuống còn 1.1% và năm 2016 là 2.15%). Tỷ lệ phát hiện vi phạm trên mở kiểm khá cao và có xu hướng tăng: năm 2014 là 3,6%, năm 2015 tăng lên 40% và năm 2016 là 35.77%. Tổng thu cho ngân sách từ phạt vi phạm hành chính tăng từ 258 triệu đồng năm 2014 lên 413.6 triệu năm 2016. Số tiền thuế tăng thêm tăng từ 487 triệu đồng năm 2014 lên 267.8 triệu năm 2016.*

**Bảng 2.8: Kết quả kiểm tra hàng XNK qua máy soi container di động.**

Chỉ tiêu		Tổng số TK	Tổng số cont soi	Tổng số cont kiểm thủ công	Tỷ lệ mở kiểm	Tổng số cont vi phạm	Tỷ lệ phát hiện vi phạm/ mở kiểm	Tổng số tiền phạt VPHC	Tổng số tiền thuế tăng thêm
ĐVT		Tk	Cont	Cont	%	Cont	%	Trđ	Trđ
<b>2013</b>		574	641	148	23.1	18	12.2	121	312
<b>2014</b>		7128	6251	356	5.7	45	12.6	258	487
<b>2015</b>		9472	10038	115	1.1	46	40.0	285	359
<b>2016</b>		5041	6366	137	2.2	49	35.8	413.6	267.8
Chênh lệch 2014_2013	Số lượng	6,554	5,610	208	(17)	27	0	137	175
	Tỷ lệ (%)	11.42	8.75	1.41	(0.75)	1.50	0.04	1.13	0.56
Chênh lệch 2015_2014	Số lượng	2,344	3,787	(241)	(5)	1	27	27	(128)
	Tỷ lệ (%)	32.88	60.58	(67.70)	(79.88)	2.22	216.44	10.47	(26.28)
Chênh lệch 2016_2015	Số lượng	(4,431)	(3,672)	22	1	3	(4)	129	(91)
	Tỷ lệ (%)	(46.78)	(36.58)	19.13	87.85	6.52	(10.58)	45.12	(25.40)

*Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của phòng QLRR (giai đoạn 2012 – 2016)*

### 2.2.3.2 Phân tích sau bắt giữ

Năm 2016, Cục hải quan Hải Phòng chuyển thông tin nghi vấn cho các đơn vị kiểm tra, rà soát 16 vụ, tiền thuế ấn định 15,160 tỷ đồng, (năm 2015: tiền thuế ấn định 2,738 tỷ đồng).

Trong đó:

+ Chuyển thông tin cho các Chi cục Hải quan: Tổng số vụ: 8 vụ (đã có kết quả 7 vụ), các Chi cục ấn định 3,331 tỷ đồng tiền thuế.

Nội dung đã rà soát: than củi XK, gỗ ván lạng từ gỗ keo rừng trồng XK, các loại màn hình hiển thị báo lùi gương ô tô, bảng led, ma trận,..Phụ gia thức ăn gia súc, chất tạo mùi, thiết bị mát xa tầm nhiệt, phoi tiện thép không gỉ, màng bọc thực phẩm PVC, sữa bột nguyên liệu dùng trong chế biến thực phẩm, rà soát các đối tượng hưởng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt from E,AK, kiểm tra mặt hàng XK dây đồng tinh luyện.

+ Chuyển thông tin cho Chi cục Kiểm tra sau thông quan: Tổng số vụ: 8 vụ (đã có kết quả 5 vụ), ấn định 11,829 tỷ đồng.

Nội dung đã rà soát: vải không dệt C/O mẫu E ; mặt hàng than củi xuất khẩu, Lĩnh vực GC-SXXK, Thép buộc tàu loại xoắn xuôi xoắn ngược, Công cụ mài bóng Pad đánh bóng bằng nhựa, thép cán nóng, gia vị dạng bột đã pha chế dùng để sản xuất xúc xích

+ Mặt hàng hạt nhựa PP dạng nguyên sinh, đã ấn định thuế 455 triệu đồng đối với 34 tờ khai; mặt hàng than củi XK đã ấn định thuế gần 95 triệu đồng đối với 07 tờ khai; mặt hàng sữa rửa mặt ấn định thuế gần 80 triệu đồng.

+ Chi cục HQ CK cảng HP KV2 kiểm tra tính hợp lệ C/O mẫu E, mặt hàng thuốc đông y nhập khẩu. Kết quả: DN nộp bổ sung 02 tờ khai là 617 triệu đồng.

+ Rà soát, sử dụng kết quả phân tích phân loại: Chi cục HQKV3 và Chi cục ĐTGC đã ấn định thuế với số tiền thuế tăng thêm hơn 156 triệu đồng.

- Chuyển Chi cục KTSTQ tiến hành kiểm tra, rà soát việc phân loại, áp mã không thống nhất đối với các mặt hàng: ống thép, Optima-100, sữa rửa mặt (11 tờ khai), TPCN Reviv (14 tờ khai), thức ăn chăn nuôi (35 tờ khai), N-Hexan (46 DN), thạch sữa chua, nước uống dinh dưỡng (38 tờ khai). Chi cục KTSTQ đã ấn định thuế mặt hàng Optima-100 đối với DN với số tiền thuế trên 579 triệu đồng.

Tổng số tiền thuế các đơn vị đã ấn định thuế: 1,982 tỷ đồng

Đối với các mặt hàng trên, các đơn vị vẫn tiếp tục thực hiện kiểm tra, rà soát theo chỉ đạo của Lãnh đạo Cục.

#### ***2.2.4 Quản lý danh mục hàng hóa rủi ro***

Theo quyết định số 908/QĐ-BTC ngày 29 tháng 04 năm 2016 của Bộ Tài chính, các loại rủi ro đối với hoạt động XNK được chia thành 7 danh mục:

Danh mục 1. Hàng hóa rủi ro về chính sách quản lý chuyên ngành

Danh mục 2. Hàng hóa rủi ro về xuất xứ

Danh mục 3. Hàng hóa rủi ro về môi trường

Danh mục 4. Hàng hóa rủi ro về hàng giả, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

Danh mục 5. Hàng hóa rủi ro về ma túy, tiền chất

Danh mục 6. Hàng hóa rủi ro về vũ khí, chất phóng xạ

Danh mục 7. Hàng hóa rủi ro về buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới.

Tuy nhiên, căn cứ vào đặc thù địa phương, Cục đã mã hóa thành 13 tiêu chí phân tích, cụ thể:

<i><b>STT</b></i>	<i><b>Mã mục đích</b></i>	<i><b>Tên mục đích</b></i>
1	R01	Rủi ro về quy trình thủ tục
2	R02	Rủi ro về chính sách quản lý
3	R03	Rủi ro về thuế
4	R04	Rủi ro về phân loại hàng hóa
5	R05	Rủi ro về giá trị hải quan
6	R06	Rủi ro về xuất xứ hàng hóa
7	R07	Rủi ro về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch
8	R08	Rủi ro về môi trường
9	R09	Rủi ro về hàng giả, sở hữu trí tuệ
10	R10	Rủi ro về ma túy tiền chất
11	R11	Rủi ro về vũ khí ,phóng xạ
12	R12	Rủi ro về buôn lậu - VCTPHH
13	R13	Rủi ro khác

Trong giai đoạn 2012 – 2016, Cục Hải quan Hải Phòng đã trang bị hệ thống máy soi container để kiểm tra thực tế hàng hóa. Việc thiết lập các tiêu chí kiểm tra hàng hóa và kiểm tra bằng máy soi, các tiêu chí thanh loại và các tiêu chí áp dụng thể hiện qua bảng sau:



**Bảng 2.9: Xây dựng tiêu chí rủi ro và tiêu chí kiểm tra qua máy soi**

Đơn vị tính: Tiêu chí

Chi tiêu		Số lượng tiêu chí rủi ro đã xây dựng		Số lượng tiêu chí rủi ro đã thanh loại		Số lượng tiêu chí còn hiệu lực	
		Tiêu chí QLRR	Tiêu chí KT qua máy soi	Tiêu chí QLRR	Tiêu chí KT qua máy soi	Tiêu chí QLRR	Tiêu chí KT qua máy soi
Năm 2012		88	67	148	12	860	459
Năm 2013		726	439	768	369	775	451
Năm 2014		22903	19351	32371	15881	13591	3794
Năm 2015		243793	233912	212361	197419	45023	40287
Năm 2016		697717	674990	689884	666496	47755	46593
C. lệch 2013_2012	Số lượng	638	372	620	357	-85	-8
	Tỷ lệ (%)	725	555	419	2975	-10	-2
C. lệch 2014_2013	Số lượng	22177	18912	31603	15512	12816	3343
	Tỷ lệ (%)	3055	4308	4115	4204	1654	741
C. lệch 2015_2014	Số lượng	220890	214561	179990	181538	31432	36493
	Tỷ lệ (%)	964	1109	556	1143	231	962
C. lệch 2016_2015	Số lượng	453924	441078	477523	469077	2732	6306
	Tỷ lệ (%)	186	189	225	238	6	16

*Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của phòng QLRR**(giai đoạn 2012 – 2016)*

Bám sát tình hình hoạt động XNK trên địa bàn Cục Hải quan Hải Phòng đã phân công các Tổ công tác tăng cường thu thập, phân tích thông tin, dấu hiệu rủi ro theo từng thời điểm, thiết lập chỉ số tiêu chí lựa chọn kiểm tra

thực tế tại cửa khẩu hoặc qua máy soi, tiêu chí lấy mẫu phân tích theo các nhóm hàng, loại hình, xuất xứ, doanh nghiệp có rủi ro cao. Cụ thể:

Năm 2012, thiết lập và cập nhật hệ thống: 88 tiêu chí rủi ro, trong đó có 67 tiêu chí kiểm tra qua máy soi; thanh loại ra khỏi hệ thống: 148 tiêu chí, trong đó có 12 tiêu chí kiểm tra qua máy soi; Số tiêu chí còn hiệu lực 860 tiêu chí, trong đó có 459 tiêu chí kiểm tra qua máy soi.

Năm 2013, thiết lập và cập nhật hệ thống: 726 tiêu chí rủi ro, trong đó có 439 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (tăng so với năm 2012 tương ứng là 725% và 555%); thanh loại ra khỏi hệ thống: 768 tiêu chí, trong đó có 369 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (tăng so với năm 2012 tương ứng là 419% và 2975%); Số tiêu chí còn hiệu lực 775 tiêu chí, trong đó có 451 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (giảm so với năm 2012 tương ứng là 10% và 2%).

Năm 2014, thiết lập và cập nhật hệ thống: 22903 tiêu chí rủi ro, trong đó có 19351 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (tăng so với năm 2013 tương ứng là 3055% và 4308%); thanh loại ra khỏi hệ thống: 32371 tiêu chí, trong đó có 15881 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (tăng so với năm 2013 tương ứng là 4115% và 4204%); Số tiêu chí còn hiệu lực 13591 tiêu chí, trong đó có 3794 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (giảm so với năm 2013 tương ứng là 1654% và 741%).

Năm 2015, thiết lập và cập nhật hệ thống: 243793 tiêu chí rủi ro, trong đó có 233912 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (tăng so với năm 2014 tương ứng là 964% và 1109%); thanh loại ra khỏi hệ thống: 212361 tiêu chí, trong đó có 197419 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (tăng so với năm 2014 tương ứng là 556% và 1143%); Số tiêu chí còn hiệu lực 45023 tiêu chí, trong đó có 40287 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (giảm so với năm 2014 tương ứng là 231% và 962%).

Năm 2016, thiết lập và cập nhật hệ thống: 697717 tiêu chí rủi ro, trong đó có 674990 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (tăng so với năm 2015 tương ứng

là 186% và 189%); thanh loại ra khỏi hệ thống: 689884 tiêu chí, trong đó có 666496 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (tăng so với năm 2015 tương ứng là 225% và 238%); Số tiêu chí còn hiệu lực 47755 tiêu chí, trong đó có 46593 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (giảm so với năm 2015 tương ứng là 6% và 16%).

Như vậy, số lượng tiêu chí cập nhật, thanh loại và còn hiệu lực đều tăng nhanh ở các năm chứng tỏ công tác QLRR của Cục đã hoạt động khá hiệu quả.

## **2.3 Đánh giá chung quản trị rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng.**

### **2.3.1 Kết quả đạt được**

- Trong giai đoạn 2012 – 2016, Cục Hải quan Hải Phòng đã triển khai các biện pháp quyết liệt nhằm ngăn ngừa, phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật hải quan cả ở khâu trước, trong và sau thông quan. Nâng cao hiệu quả lựa chọn đối tượng kiểm tra sau thông quan;

- Tập trung kiểm tra, rà soát, phân tích, đánh giá rủi ro hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn có kim ngạch XNK lớn, thuế suất cao, trị giá lớn, tần suất nhiều để nhận diện rủi ro, đề ra biện pháp kiểm soát phù hợp. Xác định doanh nghiệp trọng điểm rủi ro cao trong từng lĩnh vực theo từng thời kỳ đề xuất biện pháp quản lý hiệu quả;

- Thường xuyên theo dõi, kiểm soát, đánh giá việc thực hiện Danh mục rủi ro, Danh mục hàng hóa rủi ro, Kế hoạch kiểm soát rủi ro;

- Đẩy mạnh công tác trao đổi, cung cấp thông tin DN với các đơn vị trong và ngoài ngành phục vụ đánh giá xếp hạng rủi ro, đảm bảo chính xác, đồng thời đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp;

- Tập trung nguồn lực, tăng cường thu thập, phân tích thông tin, thiết lập tiêu chí kiểm soát đối với các nhóm hàng hóa có rủi ro cao cần tăng cường kiểm soát trọng điểm theo các chuyên đề, kiểm soát hàng hóa của DN trọng

điểm; kiểm tra, rà soát trực tuyến việc làm thủ tục trên Hệ thống để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại;

- Tăng cường kiểm tra, rà soát việc hủy tờ khai trên Hệ thống để đánh giá mức độ tuân thủ của DN, đề ra các biện pháp kiểm soát phù hợp.

### **2.3.2 Hạn chế**

Bên cạnh kết quả đạt được vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế, tình trạng chuyển luồng từ luồng đỏ sang luồng xanh, luồng đỏ sang luồng vàng và ngược lại từ luồng xanh sang vàng, xanh sang đỏ, vàng sang xanh, vàng sang đỏ vẫn còn xảy ra. Chủ yếu các tờ khai chuyển luồng từ luồng đỏ về luồng xanh hoặc vàng là các tờ khai của doanh nghiệp xuất khẩu tại chỗ. Tờ khai khi hàng thông quan tại đầu nhập khẩu khi mở tờ khai đầu xuất đầu xuất hệ thống phân luồng đỏ dẫn đến tình trạng chuyển luồng từ cao xuống thấp.

- Trình độ cán bộ công chức, công chức chuyên trách làm công tác QLRR không chuyên sâu và không đồng đều. Do đặc thù của ngành Hải quan hay luân chuyển cán bộ công chức giữa các khâu nghiệp vụ và giữa các đơn vị nên thời gian cán bộ công chức làm công tác QLRR không được lâu và ít thâm niên nghiệp vụ QLRR.

- Công nghệ thông tin, cơ sở hạ tầng máy móc trang thiết bị kỹ thuật chưa được đầu tư đồng đều giữa các đơn vị, việc cập nhật, phản hồi thông tin, trao đổi thông tin về doanh nghiệp của các đơn vị Phòng ban trong Cục còn chậm và không kịp thời.

### **2.3.3 Nguyên nhân của hạn chế.**

Có nhiều nguyên nhân khiến tiến trình áp dụng QLRR vào quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK không được như mong muốn. Một số trong những nguyên nhân chủ chốt là:

- **Về khung pháp lý:** khung pháp lý cơ bản để áp dụng QLRR trong quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK cơ bản đã hình thành, nhưng chưa cụ thể hóa cho từng lĩnh vực. Các tiêu chí liên quan đến vận hành hải quan điện tử và đại lý khai thuế chưa được hoàn thiện. Các văn bản pháp quy phạm pháp luật về hải quan và các văn bản hướng dẫn thực hiện QLRR thường được cung cấp dưới dạng bản “cứng” và đóng dấu “mật”, chưa được cập nhật thường xuyên trên hệ thống nên khả năng trên hệ thống phục vụ công tác quản lý rủi ro không được kịp thời. Bên cạnh đó, các tiêu chí chưa được cập nhật thường xuyên tỷ lệ chuyển lưỡng từ khai khá cao.

- **Về công tác thu thập hồ sơ doanh nghiệp, phân tích đánh giá thông tin, trao đổi thông tin:** Công tác thu thập, phân tích đánh giá hồ sơ doanh nghiệp chưa được quan tâm thỏa đáng, các thông tin thu thập chưa được cập nhật một cách thường xuyên nên khó áp dụng qui trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK, phương tiện, hành khách xuất nhập cảnh.

- **Về hệ thống thông tin:** hệ thống thông tin chưa được cập nhật đầy đủ, hệ thống nhằm phục vụ thuận tiện cho nhân viên hải quan xác định mức độ rủi ro của doanh nghiệp và hàng hóa.

- **Về bộ máy, phân nhiệm vụ công chức hải quan:** Bộ máy tổ chức chưa được phân công, phân cấp rõ ràng, chưa cụ thể giữa chức năng, quyền hạn và trách nhiệm ở các cấp và từng cấp trong Ngành, tỷ lệ đầu mối trung gian cao, nhiều bộ phận chưa có cán bộ chuyên trách phụ trách công tác quản lý rủi ro mà chủ yếu là cán bộ kiêm nhiệm nên hiệu quả công tác QLRR chưa cao.

- **Về công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý rủi ro:** Các văn bản, quy trình thủ tục hải quan, hệ thống các tiêu chí liên tục thay đổi yêu cầu các cán bộ hải quan cần liên tục cập nhật thường xuyên cũng như cần được tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành nhưng công tác đào bồi dưỡng cán bộ hải

quan chưa được quan tâm một cách thỏa đáng, hiệu quả của các khóa học chưa cao.

- *Về cơ sở vật chất kỹ thuật:* Hệ thống máy tính và các thiết bị phụ trợ tại trung tâm tự động hóa chưa được đầu tư thỏa đáng. Hệ thống máy soi và hệ thống soi ngầm kiểm tra hàng hóa chưa trang bị chưa được đầy đủ.

- Công tác hợp tác quốc tế trong quản lý rủi ro chưa được quan tâm thỏa đáng.

## **CHƯƠNG 3: CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU TẠI CỤC HẢI QUAN HẢI PHÒNG**

### **3.1 Định hướng đẩy nhanh quá trình áp dụng quản lý rủi ro vào quy trình thủ tục Hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**

Hiện nay, Việt Nam đã ký kết 13 Hiệp định thương mại và đang đàm phán 3 Hiệp định thương mại tự do. Trước Hiệp định TPP, các cam kết liên quan đến quản lý hải quan chỉ tập trung vào các lĩnh vực như: Kiểm soát chứng nhận xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan; Cam kết chung về tạo thuận lợi thương mại; Nỗ lực trao đổi thông tin để thực thi công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại. Điều này thể hiện rõ ở các Hiệp định thương mại tự do ASEAN với các nước đối tác. Duy chỉ có Hiệp định ATIGA có các cam kết hợp tác trong các lĩnh vực nghiệp vụ hải quan như: Quản lý rủi ro, DN ưu tiên... Về vấn đề xác định trước, minh bạch và tham vấn chỉ là cam kết lỏng, mang tính khuyến khích các nước thành viên thực hiện. Đối với Hiệp định TPP và các FTA sau này cam kết liên quan đến quản lý hải quan chặt hơn đòi hỏi mức độ thực thi cao hơn về: Kiểm tra xuất xứ đối với hình thức tự chứng nhận xuất xứ; thực thi kiểm soát biên giới trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ một cách đầy đủ (quyền mặc nhiên đối với hàng XK, hàng quá cảnh, hàng thương mại có giá trị nhỏ.); phối hợp trong công tác điều tra xác minh các vi phạm về hải quan, đặc biệt là trong lĩnh vực dệt may và các vi phạm liên quan đến xuất xứ hàng hóa; trao đổi thông tin phục vụ điều tra chống buôn lậu, gian lận thương mại. Liên quan đến chính sách thuế, phần lớn các dòng thuế giảm về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Về thủ tục, các cam kết đặt ra yêu cầu giải phóng hàng trong vòng 48 giờ; hay xử lý thông tin điện tử trước khi hàng đến

bằng phương thức điện tử; thực hiện xác định trước: Phương pháp xác định trị giá, xuất xứ và mã; thực thi kiểm soát cơ chế tự chứng nhận xuất xứ...

Nhịp độ phát triển nhanh của thương mại quốc tế tiếp tục gây sức ép buộc hải quan Việt Nam phải tích cực cải cách hơn nữa. Định hướng cải cách, ngoài mục tiêu kiểm soát sự tuân thủ còn phải nhấn mạnh mục tiêu tạo thuận lợi hơn nữa cho thương mại quốc tế. Do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế tự do thương mại có thể bị làm chậm lại do các nước dựng lên các hàng rào bảo hộ tinh vi, nhưng sức sống của thương mại tự do sẽ không có hàng rào bảo hộ nào cản nổi. Vì thế kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của mỗi nước ta chắc chắn sẽ tăng lên nhanh chóng trong cả tương lai gần lẫn xa.

Bên cạnh việc hàng rào thuế quan trong nước được giảm dần theo lộ trình cam kết thì việc xuất hiện phải tìm ra các hình thức bảo hộ mới cho hàng hóa sản xuất trong nước như hàng rào kỹ thuật, vệ sinh an toàn, môi trường, chống bán phá giá, độc quyền... cũng gia tăng sức ép buộc hải quan phải thay đổi nhanh chóng hơn theo hướng thích ứng linh hoạt phù hợp với luật chơi do các tổ chức kinh tế quốc tế cầm trịch. Muốn vậy, hải quan Việt Nam phải được chuẩn bị để giảm bớt công việc sự vụ, đi sâu vào các nghiệp vụ hỗ trợ quản lý nhà nước và hợp tác với doanh nghiệp tuân thủ pháp luật.

Yêu cầu về vận chuyển, trao đổi hàng hóa trong thương mại quốc tế phải nhanh chóng và đa dạng các loại hình vận chuyển buộc hải quan phải thích ứng trong việc thực thi linh hoạt địa điểm kiểm tra hải quan. Trong khi đó thương mại điện tử và nhiều hình thức thương mại mới như các loại hình cung ứng và làm dịch vụ cho nước ngoài, kinh doanh qua mạng đã phát triển nhanh chóng và trở lên phổ biến khiến định hướng đa dạng các loại hình kiểm soát gián tiếp phải được triển khai.

Sự xuất hiện các nguy cơ khủng bố quốc tế, buôn lậu, vận chuyển trái phép chất thải các loại, chất độc gây nguy hiểm, các chất ma túy, vũ khí, rửa



tiền dưới nhiều hình thức khác dẫn đến các nguy cơ bất ổn cho nền kinh tế và bất an cho lợi ích cộng đồng đặt thêm trách nhiệm cho hải quan trong việc đảm bảo an ninh hàng hóa XNK. Vì vậy, tin tức tình báo từ xa và hệ thống đưa trước có vai trò ngày càng quan trọng đòi hỏi hải quan nước ta phải tái cơ cấu tổ chức mạnh mẽ, tăng cường nguồn nhân lực thu thập thông tin tại nguồn.

Tìm kiếm các phương thức, kỹ thuật kiểm soát từ xa, kiểm soát gián tiếp, kiểm soát không cần phá niêm phong là hướng đi khả thi mà Việt Nam hải quan Việt Nam cần chú trọng. Muốn vậy cần chú trọng đầu tư trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ trong quản lý hải quan, ban hành các quy định luật pháp hải quan đủ hiệu lực răn đe nhằm đảm bảo an ninh, lợi ích kinh tế quốc gia, đảm bảo an toàn cho dây chuyền cung ứng thương mại quốc tế.

Việc thực hiện cam kết quốc tế thông qua hợp tác quốc tế và hài hòa tiêu chuẩn, trong đó có thủ tục hải quan với nước khác là hướng đi tích cực, có lợi cho đất nước. Định hướng rõ ràng của Hải quan là phải tiếp tục cải cách nhằm đạt trình độ quản lý hải quan của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Cải cách phát triển và hiện đại hóa hải quan phải chú trọng vào nâng cao trách nhiệm, trình độ và kỹ năng của cán bộ, công chức hải quan. Bởi vì nâng cao hiệu suất làm việc của con người là yếu tố quyết định giải quyết mâu thuẫn giữa sự tăng nhanh của khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu phương tiện, hành khách xuất nhập cảnh, yêu cầu tạo thuận lợi cho thương mại, đầu tư, du lịch với giảm chi phí hải quan.

Ngoài ra, cải cách đổi mới hải quan phải hướng dẫn khuyến khích xuất nhập khẩu, đầu tư, du lịch thông qua thiện ý hợp tác giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp. Đồng thời kiên quyết ngăn chặn tệ nạn tham nhũng tiêu cực, trong lĩnh vực hải quan.

Mục tiêu đẩy nhanh quá trình áp dụng QLRR của ngành Hải quan trong quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK trong những năm tới là khuyến khích tuân thủ pháp luật hải quan và các pháp luật có liên quan; phù hợp với tiến trình cải cách, hiện đại hóa hải quan; hướng tới các chuẩn mực của Hải quan thế giới về QLRR; phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước...

QLRR phải là yếu tố cấu thành của quản lý hải quan theo nguyên tắc tuân thủ. Nói cách khác, hải quan Việt Nam cần nhất quán chuyển từ nặng về kiểm soát kết quả sang kiểm soát quá trình, nặng về kiểm soát hàng hóa, sang quản lý hoạt động XNK, nặng về kiểm soát từng chuyên hàng sang hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ luật pháp hải quan. Trong phương thức quản lý mới, QLRR phải được áp dụng trong tất cả các khâu của quá trình quản lý hải quan, từ khâu theo dõi, kiểm tra mọi mặt hoạt động của doanh nghiệp thông qua hoạt động thu thập thông tin lẫn kiểm tra quá trình di chuyển của hàng hóa để có căn cứ ứng xử phù hợp khi quyết định cho hàng hóa thông quan đến quản lý sau thông quan. Như vậy trọng tâm của triển khai QLRR trong thời gian tới không phải là công chức kiểm soát ở cửa khẩu mà là công chức thu thập thông tin và công chức phân tích, xử lý và cung cấp thông tin thuận tiện.

Hơn nữa để nâng cao hiệu quả áp dụng QLRR trong quy trình thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại cần mở rộng phạm vi áp dụng quản lý rủi ro áp dụng trong kiểm tra sau thông quan và kiểm tra đối với phương tiện hành khách xuất nhập cảnh. Tập trung vào các hình thức kiểm tra linh hoạt khéo léo, giảm thiểu thời gian kiểm tra với sự hỗ trợ của phương tiện kiểm tra hiện đại.

Thứ hai, giảm thiểu rủi ro ngay từ khâu soạn thảo và ban hành quy định pháp lý liên quan đến hải quan. Cần ban hành nhanh, kịp thời các văn bản quy định áp dụng QLRR trong lĩnh vực nghiệp vụ thông quan hàng hóa XNK,

trong thu thập, xử lý thông tin tình báo, trong phối hợp liên ngành cung cấp trao đổi thông tin và phối hợp phòng chống hành vi vi phạm pháp luật.

Thứ ba, gắn thực hiện nhanh QLRR với việc xây dựng nền tảng khung QLRR do Hiệp ước Kyoto khuyến nghị và hòa nhập với tiến trình hiện đại hóa hải quan Việt Nam. Theo định hướng này bộ tiêu chí rủi ro và quy trình QLRR của hải quan Việt Nam nên xây dựng theo chuẩn mực quốc tế. Chỉ có các vận dụng cụ thể là nên mang sắc thái Việt Nam. Đồng thời, QLRR không thể đi nhanh hoặc đi chậm hơn việc phân đoạn khác của hiện đại hóa hải quan Việt Nam, nhất là phân đoạn điện tử hóa và đào tạo nhân lực, cải cách bộ máy quản lý hải quan.

Thứ tư, là triển khai đồng bộ QLRR về phương diện chủng loại hàng hóa XNK bao gồm các loại hình xuất nhập khẩu theo hợp đồng thương mại, tạm nhập tái xuất, chuyên khẩu, nhập nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu, hợp đồng gia công với nước ngoài... Từng bước áp dụng quản lý rủi ro đối với hành lý của hành khách xuất cảnh, nhập cảnh, phương tiện vận tải trên tuyến hàng không lẫn về phương diện quy trình (xây dựng, quản lý và ứng dụng hồ sơ rủi ro, hồ sơ doanh nghiệp; xây dựng, bổ sung bộ tiêu chí; phương pháp chuẩn mực trong xử lý rủi ro...)

Trong định hướng này cần chú trọng nâng cấp hệ thống thông tin hỗ trợ QLRR đáp ứng các yêu cầu của các lĩnh vực nghiệp vụ như đánh giá, phân loại rủi ro trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương giá; phương tiện vận tải, hành khách xuất nhập cảnh; thông tin lược khai hàng hóa qua dữ liệu điện tử, thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan. Chú ý thiết kế dịch vụ cung cấp kết quả phân tích, đánh giá rủi ro phục vụ hoạt động kiểm soát hải quan. Cơ sở dữ liệu và công cụ QLRR phải đáp ứng cơ bản các yêu cầu phân tích của các cấp quản lý, các đơn vị hải quan tác nghiệp.

Mặc dù yêu cầu hội nhập gây áp lực lớn tới quá trình áp dụng QLRR trong thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK, nhưng QLRR phải ưu tiên mục tiêu hỗ trợ điều kiện thực hiện thành công đường lối phát triển kinh tế của đất nước, trong đó đường lối khuyến khích xuất khẩu hàng hóa dựa trên lợi thế so sánh và đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa là trọng tâm. Chính vì thế bộ tiêu chí rủi ro, quy trình áp dụng QLRR, hoạt động thu thập thông tin phải định hướng ưu tiên cho việc thực hiện thành công đường lối phát triển này.

Mặt khác, khi áp dụng các biện pháp kiểm soát hải quan hiện đại, thu thập, xử lý thông tin nghiệp vụ và kỹ thuật QLRR cũng phải chú trọng đúng mức đến chủ động phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn có hiệu quả hoạt động buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, đặc biệt là bảo đảm an ninh kinh tế, chống lại hoạt động buôn bán ma túy, vũ khí, chất nổ và các mặt hàng cấm và đảm bảo phục vụ có hiệu quả công tác thu thuế, thực thi chính sách thương mại và an ninh quốc gia.

## **3.2 Các giải pháp nhằm hoàn thiện quản trị rủi ro đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng**

### ***3.2.1. Cập nhật các văn bản pháp quy liên quan đến hoạt động hải quan***

Hiện tại khung pháp lý cơ bản để áp dụng QLRR trong quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK cơ bản đã hình thành, nhưng vẫn cần phải thường xuyên cụ thể hóa hơn nữa cho từng lĩnh vực và sửa chữa bổ sung kịp thời cho tương hợp với các với các lĩnh vực và văn bản pháp lý liên quan khác. Do đó trong thời gian tới Cục Hải Quan Hải Phòng cần thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động hải quan, cập nhật tiêu chí quy định vào hệ thống, giảm tỷ lệ chuyển luồng tờ khai, tạo điều kiện thông quan hàng hóa nhanh cho doanh nghiệp.

Trước hết, cần hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về quy trình, thủ tục hải quan sao cho pháp luật hải quan về cơ bản đầy đủ, minh bạch, không mâu thuẫn với các luật khác và đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các vấn đề phát sinh trong quá trình cải cách hiện đại hóa hải quan cũng như thực tế phát triển kinh tế, nhất là tình hình phát triển ngoại thương và hội nhập khu vực, hội nhập vào thị trường thế giới. Mặc dù Luật Hải quan mới được sửa đổi, bổ sung theo hướng áp dụng đại trà QLRR và các văn bản hướng dẫn thực hiện đã được ban hành, nhưng trong một số điểm đã phát sinh một số vấn đề cần điều chỉnh hoặc làm rõ hơn như:

- Tiêu chuẩn doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật hải quan cần được quy định cụ thể và minh bạch hơn để doanh nghiệp có thể tự kiểm soát mục tuân thủ của mình và ngăn ngừa sự lạm dụng việc qui định không rõ ràng để tăng cấp độ rủi ro của doanh nghiệp.

- Bên cạnh việc qui định mức độ bảo hộ nhân viên hải quan làm đúng theo quy định của pháp luật mà gây ra tranh chấp, cần qui định rõ hơn trách nhiệm cá nhân của cán bộ hải quan cũng như của cơ quan hải quan khi đưa ra các thông tin sai dẫn đến các quyết định kiểm tra hải quan không có lợi cho doanh nghiệp.

Trong khuôn khổ luật pháp hải quan còn có nhiều văn bản pháp luật liên quan khác như luật tổ chức nhà nước, luật thuế... Do đó cần tăng cường tính liên kết và đồng bộ giữa các văn bản pháp lý liên ngành bằng cách chỉ rõ các điều khoản tham chiếu lẫn nhau nhằm loại bỏ sự quy định chồng chéo và nặng nề quá mức cần thiết trong hệ thống văn bản pháp lý liên quan đến quản lý hải quan.

Hơn nữa, cần tăng cường khả năng tiếp cận văn bản pháp lý của doanh nghiệp thông qua hệ thống cung cấp thông tin mở của Tổng cục Hải quan. Hệ thống thông tin của ngành phải chú ý đáp ứng hai loại yêu cầu: yêu cầu của

công chức hải quan để thực hiện QLRR; yêu cầu của doanh nghiệp để tự giác tuân thủ. Nếu QLRR là nhằm tăng mức tự giác tuân thủ thì cung cấp thông tin pháp luật cho doanh nghiệp càng phải được ưu tiên.

Mặt khác, trên cơ sở rà soát các cam kết quốc tế, tiến hành sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về nghiệp vụ hải quan, quy trình thủ tục hải quan cho phù hợp với thực tiễn và những cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập, nhất là trong các lĩnh vực mới như vi phạm của chủ hàng XNK liên quan đến rủi ro trị giá tính thuế, rủi ro không tuân thủ tiêu chuẩn hàng hóa, rủi ro về môi trường, rủi ro về an ninh, rủi ro về gian lận thương mại. Các quy định pháp lý về QLRR trong các lĩnh vực này cần liên tục cụ thể hóa theo lộ trình thực hiện cam kết của Việt Nam.

Ngoài ra cần hoàn thiện các quy trình và hướng dẫn về các lĩnh vực sau:

- + Bổ sung thêm các tiêu chí rủi ro liên quan đến vận hành hải quan điện tử và đại lý khai thuế.

- + Rà soát, hệ thống hóa phần lớn các cam kết quốc tế có liên quan đến pháp luật hải quan để xây dựng kế hoạch thích nghi. Tiếp tục nội địa hóa những điều ước quốc tế liên quan đến pháp luật hải quan để xây dựng kế hoạch thích nghi. Tiếp tục nội địa hóa những điều ước quốc tế liên quan đến lĩnh vực hải quan nói chung, QLRR nói riêng.

- + Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về minh bạch hóa các nội dung có tính quy phạm trong các quy trình nghiệp vụ QLRR, công nhận và đưa các nội dung này vào văn bản quy phạm pháp luật khác.

- Tổng kết quá trình thực hiện QLRR bước một trong ngành hải quan, chỉ rõ những chỗ cần bổ sung, sửa đổi trong các văn bản pháp lý;

- + Xây dựng quy chế, quy trình trong việc lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp và các dự thảo văn bản qui phạm pháp luật cũng như quy trình cung cấp thông tin liên quan đến QLRR

+ Phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các hiệp hội ngành nghề, cộng đồng doanh nghiệp để thảo luận cách giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh có liên quan đến cơ chế chính sách, quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK.

+ Tiếp tục duy trì hình thức tư vấn “Tổ giải quyết vướng mắc” tại các địa điểm làm thủ tục hải quan để hướng dẫn giải đáp thắc mắc cho doanh nghiệp về quy trình và yêu cầu QLRR.

+ Công khai trên trang Web Hải quan Việt Nam các văn bản pháp quy phạm pháp luật về hải quan và các văn bản hướng dẫn thực hiện QLRR bao gồm cả bản dịch ra tiếng nước ngoài của các văn bản này. Đăng tải các thông tin khác mà doanh nghiệp cần biết trên Website Hải quan.

- Hoàn thiện chính sách, giải pháp phòng ngừa buôn lậu, đồng thời đẩy mạnh công tác điều tra phát hiện các đường dây, ổ nhóm để hạn chế ngăn chặn và tiến tới đẩy lùi tệ nạn buôn lậu, gian lận trốn thuế, vận chuyển hàng cấm qua biên giới góp phần hỗ trợ cho QLRR.

### ***3.2.2. Tập trung thu thập hồ sơ doanh nghiệp, phân tích đánh giá thông tin, trao đổi thông tin để từ xây dựng các tiêu chí áp dụng QLRR***

Thu thập, xử lý thông tin là một nghiệp vụ không thể thiếu trong nhiều lĩnh vực, trong đó quan trọng nhất là lĩnh vực công tác quản lý rủi ro về Hải quan.

Thu thập và xử lý thông tin DN sẽ góp phần tạo nền tảng cho việc triển khai thủ tục Hải quan điện tử, đẩy mạnh tự động hóa Hải quan; tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, giảm thiểu thủ tục và mức độ kiểm tra, rút ngắn thời gian thông quan, đồng thời đảm bảo kiểm soát việc tuân thủ pháp luật trong quá trình tiến hành thủ tục Hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Trong giai đoạn 2012 – 2016 (đến nay), công tác thu thập, xử lý thông tin tại Cục tồn tại một số khó khăn, hạn chế :

1. Do số lượng công chức hạn chế nên đa số công chức được phân công chuyên trách quản lý rủi ro còn thực hiện nhiều công việc kiêm nhiệm khác nên chưa chủ động thời gian trong công tác thu thập thông tin.
2. Thông tin do các đơn vị trong và ngoài ngành cung cấp về Cục còn hạn chế, chỉ thực hiện trao đổi thông tin theo yêu cầu, chưa chủ động cung cấp thông tin khi phát sinh vụ việc.
3. Các hệ thống nghiệp vụ Hải quan chưa được tích hợp lẫn nhau nên việc cập nhật thông tin còn chông chéo (thu thập thông tin phục vụ công tác quản lý rủi ro cập nhật vào hệ thống RMS, thông tin phục vụ công tác kiểm soát Hải quan cập nhật vào hệ thống CI02, thông tin phục vụ công tác kiểm tra sau thông quan cập nhật vào hệ thống STQ01).
4. Bên cạnh những doanh nghiệp phối hợp tốt với cơ quan Hải quan, còn một số doanh nghiệp không có thiện chí hợp tác nên việc thu thập thông tin hồ sơ doanh nghiệp còn gặp khó khăn, mặc dù công chức Hải quan đã nhiều lần nhắc nhở, động viên, tuyên truyền về nghĩa vụ và quyền lợi của doanh nghiệp.

**Trong thời gian tới, Cục nên:**

1. Bố trí ít nhất 01 công chức được đào tạo chuyên sâu làm công tác quản lý rủi ro, giúp cho nghiệp vụ thu thập, xử lý thông tin được phát huy tối đa và mang lại hiệu quả cao cho từng đơn vị
2. Phân công cán bộ chuyên trách quản lý rủi ro tham gia các lớp tập huấn nhằm nâng cao trình độ về nghiệp vụ thu thập, xử lý thông tin do Tổng cục và Cục tổ chức.
3. Phối hợp với các Sở, Ngành để thu thập, trao đổi thông tin để đánh giá đầy đủ hơn về tình hình hoạt động, tình hình vi phạm



pháp luật của doanh nghiệp, từ đó đề ra phương pháp quản lý hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp tốt hơn.

4. Tuyên truyền để doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu có ý thức tốt trong việc chấp hành pháp luật Hải quan, nắm được nghĩa vụ và quyền lợi thiết thực khi cung cấp thông tin hồ sơ doanh nghiệp cho cơ quan Hải quan để công tác phối hợp thu thập thông tin trực tiếp từ doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên và mang lại hiệu quả cao.
5. Cập nhật kịp thời và đầy đủ thông tin vào các hệ thống nghiệp vụ Hải quan để hệ thống đánh giá chính xác mức độ rủi ro, mức độ tuân thủ pháp luật đối với từng doanh nghiệp để hệ thống tự động phân luồng tờ khai nhanh chóng, giúp cho doanh nghiệp chủ động được thời gian giao nhận hàng để thông quan hàng hóa, kịp thời đưa hàng hóa về nơi sản xuất, giảm thiểu mức độ kiểm tra, giảm bớt nhân lực, chi phí đi lại làm thủ tục hải quan, lưu kho lưu bãi,...

*Như vậy; Thực hiện tốt công tác thu thập, xử lý thông tin quản lý rủi ro được xác định là một trong những nội dung quan trọng góp phần giảm thiểu rủi ro cho cơ quan Hải quan và đem lại lợi ích rất lớn cho cộng đồng doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục Hải quan hiện đại.*

### **3.2.3. Xây dựng trung tâm dữ liệu và công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu phân tích rủi ro**

Ưu tiên hàng đầu trong bảo đảm thông tin cho QLRR là thiết lập được hệ thống thông tin đầy đủ, hệ thống, cập nhật và phục vụ thuận tiện cho nhân viên hải quan xác định mức độ rủi ro của doanh nghiệp và hàng hóa.

Nên xây dựng trung tâm thông tin tập trung của Tổng cục hải quan để lưu giữ, xử lý và cung cấp nguồn tin chuẩn hóa cho cả hệ thống, cần xây dựng kho dữ liệu điện tử quốc gia về hàng hóa xuất nhập khẩu, về doanh nghiệp, về

thông tin rủi ro phục vụ cho công tác quản lý điều hành nghiệp vụ, thống kê hải quan;

Tuy nhiên, để có nguồn tin đầu vào cho trung tâm cần chấn chỉnh lại hoạt động thống kê trong ngành theo hướng điện tử hóa, cập nhật hóa và hệ thống hóa. Đồng thời, phải coi trọng việc tạo dựng các cơ sở thu thập thông tin từ thị trường và từ doanh nghiệp theo nhiều kênh khác nhau, tận dụng các thông tin tình báo và thông tin do các tổ chức ngoại giao, nghiên cứu khoa học ở trong nước và nước ngoài cung cấp.

Tại cục hải quan các tỉnh, thành phố cần xây dựng hệ thống xử lý dữ liệu tập trung nối mạng với trung tâm dữ liệu của Tổng cục Hải quan sao cho vừa có thể trao đổi thông tin nhanh, thông suốt, vừa có thể lưu giữ, xử lý, phân loại các thông tin đặc thù địa phương. Cơ sở thông tin của các Cục hải quan cũng cần tích hợp các ứng dụng cơ bản phục vụ quy trình thủ tục tại Chi cục hải quan như hệ thống thông tin về quản lý tờ khai, quản lý thuế, quản lý phân luồng hàng hóa...

Để hình thành hệ thống thông tin hỗ trợ QLRR đầy đủ ở các khâu trong quy trình thủ tục theo tiêu chuẩn quốc tế Tổng cục Hải quan nên thành lập công dữ liệu điện tử kết nối với các cơ quan của Bộ Tài chính, của các Bộ ngành và các đối tác có liên quan. Đưa Website Hải quan trở thành công thông tin điện tử cung cấp thông tin đa dạng cho người dân và doanh nghiệp, trong đó ưu tiên truyền tải các thông tin về quy trình thủ tục hải quan (hướng dẫn quy trình, các bước tiến hành, thời gian thực hiện...) cho phép khả năng tải các biểu mẫu, đơn, hồ sơ hải quan. Người khai hải quan có thể in ra giấy hoặc điền vào các mẫu khai gửi thông tin khai hải quan trước cho cơ quan Hải quan, thực hiện khai hải quan từ xa qua mạng và thông quan điện tử;

Cần nâng cấp bộ phận phân tích thông tin của Tổng cục Hải quan để có thể tích hợp một số chức năng bảo đảm thông tin cơ bản phục vụ cán bộ và

đối tác. Hoạt động phân tích thông tin nên đưa vào chuẩn hóa, trong đó tập trung cho chuẩn hóa cơ sở dữ liệu phục vụ công tác QLRR.

Để có thể sử dụng được nguồn lực thông tin hiệu quả trong toàn ngành, cần chú trọng đầu tư có chọn lọc hạ tầng mạng công nghệ thông tin sao cho vừa có thể đáp ứng yêu cầu truyền tải thông tin thông suốt, đồng thời có khả năng đảm bảo an ninh, an toàn mạng. Ngoài ra, Tổng cục Hải quan cũng cần xây dựng và hoàn thiện quy chế vận hành, bảo trì, bảo dưỡng cho toàn bộ hệ thống bảo đảm thông tin trong ngành sao cho đạt mức thực hiện 90% kết nối trao đổi dữ liệu điện tử với các đơn vị thuộc Bộ Tài chính: Hải quan, Thuế, Kho bạc; Đảm bảo các Trung tâm dữ liệu của Ngành hoạt động thông suốt tới các cấp Hải quan với mức độ an ninh, an toàn cao; hình thành được tổ chức mạng lưới giá trị gia tăng (VAN) có năng lực để đảm bảo làm khâu trung gian kết nối dữ liệu điện tử giữa Hải quan và bên ngoài.

#### ***3.2.4. Cải cách bộ máy, phân công nhiệm vụ công chức hải quan làm nghiệp vụ chuyên sâu về quản lý rủi ro***

Để đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa hải quan Việt Nam nói chung Cục Hải quan TP Hải Phòng nói riêng, trên nền tảng đó tích cực áp dụng QLRR, bộ máy tổ chức ngành hải quan nói chung, bộ máy thực hiện QLRR nói riêng phải được đổi mới theo hướng xây dựng Hải quan thành lực lượng chuyên nghiệp, có chuyên môn sâu và hiện đại, hoạt động minh bạch, liêm chính và có hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ phát triển kinh tế đất nước. Muốn vậy, cần tích cực triển khai các giải pháp:

\* Rà soát và củng cố lại bộ máy tổ chức của ngành hải quan:

- Cụ thể hóa Luật Hải quan vào các quy trình hoạt động nghiệp vụ, rà soát toàn bộ hệ thống văn bản pháp quy có liên quan đến hoạt động hải quan để xác định rõ khu vực quản lý, xác định đúng thẩm quyền trách nhiệm của các tổ chức hải quan và trách nhiệm các cá nhân công chức hải quan để thực

hiện theo Luật định. Rà soát, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung hệ thống văn bản pháp quy có liên quan đến bộ máy quản lý Hải quan;

- Tiếp tục rà soát, nghiên cứu kiện toàn bộ máy tổ chức gắn với phân công, phân cấp rõ ràng, cụ thể giữa chức năng, quyền hạn và trách nhiệm ở các cấp và từng cấp trong Ngành, trong đó cấp Tổng cục chủ yếu thực hiện nhiệm vụ tham mưu, chỉ đạo điều hành, cấp cục Hải quan địa phương thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, đôn đốc thực hiện, cấp cửa khẩu và các đội kiểm soát làm nhiệm vụ tác nghiệp cụ thể nhằm đảm bảo yêu cầu thực thi nhiệm vụ thông suốt, nhanh, đúng pháp luật, hạn chế sơ hở.

- Sắp xếp, điều chỉnh mô hình tổ chức bộ máy theo hướng tinh giảm đầu mối, cụ thể là:

+ Sắp xếp lại tổ chức bộ máy của Cục theo hướng giảm bớt các đầu mối trung gian, mở rộng cơ chế điều hành theo trực tuyến.

- Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, cải cách thủ tục hải quan nhằm tạo môi trường thuận lợi hơn cho hoạt động xuất, nhập khẩu, đầu tư, du lịch, phát triển giao lưu văn hóa với bên ngoài. Đẩy nhanh tiến trình cải cách thủ tục hải quan theo hướng đơn giản hóa, hài hòa hóa thủ tục hải quan theo các chuẩn mực quốc tế nhằm thực hiện thông quan hàng hóa nhanh chóng. Đảm bảo 85 – 90% hàng hóa xuất, nhập khẩu được giải phóng trong ngày.

\* Tăng cường đầu tư nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan hải quan:

- Hoàn tất lộ trình, chuẩn bị các điều kiện liên quan cần thiết về cơ sở pháp lý, về phương tiện kỹ thuật, về nhân lực... để tiếp tục tham gia và thực hiện các Điều ước quốc tế về hải quan và thực hiện các cam kết của nước thành viên.

- Thúc đẩy nhanh tiến độ đầu tư, thực hiện hiện đại hóa hoạt động hải quan, ứng dụng công nghệ thông tin vào các khâu thủ tục hải quan, trước hết ở những địa bàn và khu vực quản lý hải quan trọng điểm.

\* Tăng cường phối hợp với các cơ quan khác

- Phối hợp với các ngành, cấp ủy và chính quyền địa phương ngăn chặn buôn lậu và vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới; Phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp gian lận thương mại nhằm thực hiện đúng chính sách kinh tế, chính sách xuất nhập khẩu, chính sách thuế, chính sách an ninh của Nhà nước.

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với các ngành hữu quan trong việc ban hành văn bản hướng dẫn. Kịp thời phát hiện những vướng mắc, bất cập trong quá trình thực thi nhiệm vụ để sửa đổi hoặc báo cáo và đề xuất ý kiến với các cơ quan nhà nước và Chính phủ kịp thời xem xét sửa đổi, bổ sung chính sách và chỉ đạo giải quyết.

### ***3.2.5. Nâng cao năng lực cán bộ thực hiện quản lý rủi ro***

\* Đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ QLRR: Áp dụng QLRR vào quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK đã giảm đáng kể yếu tố chủ quan, tùy tiện, tư lợi trong công tác kiểm tra hải quan. Tuy nhiên, QLRR không có nghĩa là tự động hóa không cần cán bộ tác nghiệp cụ thể. Ngược lại còn đòi hỏi một đội ngũ cán bộ hải quan có trình độ chuyên môn cao hơn, nhất là trình độ tri thức và phương pháp làm việc hiệu quả hơn. Chính vì vậy cần tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để có được đội ngũ cán bộ, công chức hải quan đáp ứng yêu cầu. Thời gian qua Cục Hải quan TP Hải Phòng đã có nhiều nỗ lực thực hiện bồi dưỡng cán bộ, nhưng cho đến nay việc đào tạo này còn bất cập so với yêu cầu. Để xây dựng đội ngũ cán bộ QLRR thành thạo cần thực hiện các giải pháp sau:

- Cải tiến phương thức đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của ngành Hải quan. Kết hợp giữa cử cán bộ đi đào tạo tại các trường lớp chính quy với việc rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ tại cơ sở, đơn vị công tác. Coi trọng việc truyền đạt, hướng dẫn của cán bộ quản lý, cán bộ có kinh nghiệm lâu năm đối với cán bộ trẻ, mới vào ngành công tác. Nên mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ QLRR tại nơi công tác để thu hút lượng lớn cán bộ theo học. Muốn vậy cần thay đổi cách sử dụng kinh phí đào tạo, giao kinh phí cho cấp cơ sở chủ động đào tạo nhiều hơn. Đồng thời hỗ trợ cơ sở đào tạo cán bộ thông qua việc soạn thảo, cung cấp đầy đủ tài liệu bồi dưỡng và giảng viên có trình độ và phương pháp bồi dưỡng thực hành tốt. Có thể tuyển chọn giảng viên từ những cán bộ thực hành QLRR thành thạo ở các cơ quan hải quan khác nhau. Tăng cường tìm kiếm sự hỗ trợ của nước ngoài cho hoạt động đào tạo ở cơ sở.

- Nâng cao trình độ nghiệp vụ cán bộ nên gắn với bố trí cán bộ theo chuyên sâu, thực hiện luân chuyển cán bộ cần thiết theo yêu cầu nhiệm vụ của ngành và của từng đơn vị. Tuy nhiên, trong giai đoạn khó khăn ban đầu nên ổn định cán bộ QLRR ở các khâu công việc then chốt ít nhất là 5 năm. Chú trọng nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, cơ cấu lại lực lượng làm việc giữa các cấp, giữa các khâu, giữa các địa bàn làm việc.

- Đầu tư thích đáng sự lãnh đạo và nguồn đảm bảo cho việc đào tạo lại, bồi dưỡng thường xuyên đối với công chức. Xây dựng quy hoạch đào tạo cán bộ, công chức ngành Hải quan theo các tiêu chuẩn ngạch công chức và tiêu chuẩn bổ nhiệm, sử dụng cán bộ, công chức hải quan tương xứng với các nước trong khu vực về trình độ và yêu cầu. Cần cơ cấu lại các ngạch bậc công chức để giảm bớt các bất hợp lý về ngạch, bậc lương hiện nay, xây dựng tiêu chuẩn trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tiêu chuẩn cán bộ quản lý các cấp cho phù hợp với công việc đảm nhiệm và quỹ tiền lương của Ngành.

- Hoàn thiện nội dung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ hải quan định kỳ theo các chuyên đề: Hệ thống miêu tả mã hàng hóa của hải quan thế giới, trị giá tính thuế theo GATT, về công ước KYOTO sửa đổi. về vấn đề sở hữu trí tuệ (TRIP), xuất xứ hàng hóa (C/O) kiểm tra sau giải phóng hàng, kiểm soát chống buôn lậu, ngoại ngữ chuyên ngành Hải quan...

\* Nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức hải quan:

- Tăng cường công tác giáo dục bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, tính trung thực, nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp gắn với xử lý nghiêm minh các sai phạm đối với đội ngũ cán bộ, công chức Hải quan.

- Cần thường xuyên bám sát và quán triệt nghiêm túc chủ trương, cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước để tổ chức thực hiện được thống nhất, đảm bảo thực hiện đúng theo yêu cầu QLRR. Thường xuyên theo dõi, giám sát và chỉ đạo thực hiện, đặc biệt đối với cấp cơ sở, nhằm đưa kỹ thuật QLRR thực tiễn hoạt động quản lý

- Xây dựng nề nếp làm việc chính quy, hiện đại và tác phong sinh hoạt lành mạnh để hỗ trợ cho QLRR.

- Xây dựng mối quan hệ cộng đồng trách nhiệm giữa Hải quan, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan trong việc tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy hoạt động thương mại và trao đổi thông tin.

- Cải tiến công tác thi đua, phát động các phong trào thi đua yêu nước trong toàn ngành với phương thức và nội dung thiết thực, phù hợp với hoạt động thực tiễn của ngành. Phát huy vai trò của các tổ chức đảng, đoàn thể trong việc giáo dục, động viên cán bộ hưởng ứng thực hiện các cam kết và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Phát hiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến, tạo sự chuyển biến tích cực trong mỗi đơn vị, mỗi cá nhân và toàn ngành, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị mà Đảng và Nhà nước giao cho ngành Hải quan.

\* Tạo quan hệ tốt đẹp với đối tác, đối tượng quản lý hải quan:

- Bên cạnh việc đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ công chức trong Ngành, cần có kế hoạch mở lớp đào tạo cho doanh nghiệp và các đối tượng liên quan đến thủ tục hải quan về những nội dung cần thiết như danh mục hài hòa mô tả về mã hàng hóa (danh mục HS), về xác định trị giá hải quan theo GATT, về công ước KYOTO... để đảm bảo các đối tượng này nắm vững và tuân thủ đúng quy định của pháp luật, mặt khác tạo thuận lợi cho Ngành Hải quan trong quá trình làm nhiệm vụ. Đẩy mạnh công tác phổ biến tuyên truyền, giáo dục pháp luật một cách rộng rãi đối với cán bộ quản lý doanh nghiệp và nhân dân.

Bên cạnh đó, các cán bộ công chức tại phòng quản lý rủi ro và các cán bộ công chức chuyên trách tại các Chi cục làm việc kiểm tra hàng hóa bằng máy soi container, các tia phóng xạ... môi trường làm việc ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cán bộ công chức, vì thế Cục Hải quan TP Hải Phòng, Tổng cục Hải quan cần có chính sách đãi ngộ đối với cán bộ công chức làm công tác quản lý rủi ro để họ chuyên tâm công tác.

### ***3.2.6. Đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp với việc áp dụng quản lý rủi ro trong qui trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu***

QLRR chỉ thực sự có chất lượng nếu nhận được sự hỗ trợ của phương tiện kỹ thuật hiện đại như hệ thống mạng thông tin, các loại máy kiểm tra,... Vì thế, cân đối tài chính cho đầu tư phục vụ QLRR là giải pháp cấp bách. Có thể ứng dụng một số giải pháp sau:

- Xây dựng Trung tâm tự động hóa có hệ thống trang thiết bị máy tính và các thiết bị phụ trợ có khả năng tiếp nhận và xử lý giao dịch điện tử phát sinh từ khâu tiếp nhận lược khai, khai báo hải quan, tính thuế, thu thuế, giải phóng hàng, giám sát cảng và kho. Để đảm bảo các điều kiện cần thiết để duy trì hoạt động ổn định của Trung tâm, cần đầu tư xây dựng hệ thống dự phòng



sự cố, bảo mật dữ liệu và xây dựng hệ thống các biện pháp hữu hiệu chống xâm nhập trái phép.

- Xây dựng mạng diện rộng riêng của Hải quan có khả năng chuyển tin hiệu kết nối giữa các đơn vị trong ngành với trung tâm tự động hóa. Từng bước xây dựng mạng kết nối của Hải quan với ngân hàng, kho bạc, hãng vận chuyển hàng không, cảng vụ để thực hiện các giao dịch xác nhận việc nộp thuế, giám sát kho hàng...

- Tăng cường thêm trang thiết bị phục vụ cho việc kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu, hành lý của khách xuất nhập cảnh phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa bàn, đáp ứng yêu cầu phát hiện, ngăn chặn hàng cấm, hàng lậu. Trước mắt nên tập trung trang bị máy soi và hệ thống soi ngầm kiểm tra hàng hóa.

- Xây dựng chương trình phần mềm máy vi tính phù hợp với hệ thống quy trình thủ tục hải quan. Chương trình phần mềm này phải có khả năng kế thừa, tương thích và phát triển từ các hệ thống tin học nghiệp vụ đã triển khai trong ngành, có khả năng vận hành trên mạng diện rộng, với các chức năng phù hợp với các loại hình thủ tục cảng biển, hàng không, đường bộ... đảm bảo đáp ứng được yêu cầu đa dạng của công tác quản lý hải quan, được thiết kế đủ các chức năng cho các cơ quan có liên quan như doanh nghiệp, các đại lý khai thuế hải quan, ngân hàng, cảng vụ, hãng vận chuyển. Thực hiện giao dịch trên mạng về thủ tục hải quan.

### ***3.2.7. Tăng cường quan hệ phối hợp với hợp tác quốc tế trong quản lý rủi ro***

Hoạt động XNK hàng hóa liên quan đến nhiều đối tác, quá trình diễn ra ngoài biên giới quốc gia. Để có thông tin về các đối tác và quá trình đó, ngoài việc tổ chức mạng lưới tình báo phục vụ hải quan, rất cần hợp tác với các tổ chức quốc tế và hải quan các nước để có được lượng thông tin đầy đủ nhất,

chi phí thấp nhất. Muốn vậy, cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế về hải quan trên các lĩnh vực:

- Mở rộng quan hệ với các Tổ chức Hải quan Thế giới và khu vực nhằm tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức này, nhất là về phương diện hỗ trợ chuyên gia đào tạo cho cán bộ hải quan về quy trình, kỹ năng QLRR. Ngoài ra cần đẩy mạnh hoạt động trao đổi thông tin để thiết kế hệ thống QLRR dựa trên các chuẩn mực quốc tế ở những khâu phù hợp.

- Tăng cường mở rộng và nâng cao cấp độ quan hệ song phương với hải quan các nước ASEAN, Hải quan các nước láng giềng và Hải quan một số nước công nghiệp phát triển để phối hợp hoạt động nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, học tập trao đổi kinh nghiệm QLRR, tranh thủ sự giúp đỡ về trang thiết bị, về đào tạo nâng cao trình độ cán bộ công chức hải quan của họ.

- Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết để hoàn thiện văn bản pháp quy, cơ sở vật chất, cơ chế nắm bắt thông tin và lực lượng cán bộ triển khai để tiếp cận quá trình hài hòa thủ tục hải quan và chia sẻ thông tin, nhất là các thông tin về rủi ro.

- Tích cực đề xuất Tổng Cục Hải Quan gửi cán bộ hải quan đi đào tạo và thực tập ở nước ngoài để làm chủ kỹ thuật QLRR hiện đại, coi bộ phận cán bộ này là nòng cốt để mở rộng tự đào tạo QLRR.

- Bước đầu trao đổi kinh nghiệm và thiết lập các mối quan hệ thích hợp cho việc kiểm tra hải quan theo nguyên tắc QLRR ở nước ngoài, nhất là với các nước có quan hệ ngoại thương nhiều mặt với Việt Nam như Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan, EU...

## KẾT LUẬN

Quản trị rủi ro là việc áp dụng có hệ thống các biện pháp, quy trình nghiệp vụ và thông lệ quốc tế nhằm giúp cơ quan Hải quan bố trí, sắp xếp nguồn lực hợp lý để tập trung quản lý có hiệu quả đối với các lĩnh vực, đối tượng được xác định là rủi ro. Quản trị rủi ro đem lại cho cơ quan Hải quan và cộng đồng doanh nghiệp nhiều lợi ích mà nổi bật là tác dụng cân bằng giữa kiểm soát hiệu quả và tạo thuận lợi cho thương mại. Song quản lý rủi ro là một kỹ thuật hiện đại mà việc áp dụng nó một cách hiệu quả đòi hỏi phải có những điều kiện, quy trình, thông tin và con người chuẩn hóa. Quá trình áp dụng quản lý rủi ro có ý nghĩa quan trọng đối với các đơn vị ngành Hải quan nói chung và Cục Hải quan Hải Phòng cũng không là ngoại lệ.

Trong giai đoạn 2012 - 2016, công tác quản trị rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng đã đạt được một số thành tựu đáng chú ý như: (1)kịp thời ngăn ngừa, phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật hải quan cả ở khâu trước, trong và sau thông quan; (2)nhận diện rủi ro, xác định được các doanh nghiệp trọng điểm rủi ro cao nhằm đề xuất các biện pháp kiểm soát phù hợp; (3)thiết lập các tiêu chí kiểm soát đối với các nhóm hàng có rủi ro cao, kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại. Tuy nhiên, công tác quản trị rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải phòng cũng gặp một số hạn chế như: (1)tỷ lệ chuyển luồng khá cao điều này cũng ảnh hưởng đến một số doanh nghiệp; (2)Trình độ cán bộ công chức, công chức chuyên trách làm công tác QLRR chưa chuyên sâu và không đồng đều; (3)Công nghệ thông tin, cơ sở hạ tầng máy móc trang thiết bị kỹ thuật chưa được đầu tư thỏa đáng, chưa đáp ứng được việc hiện đại hóa ngành hải quan.

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, trong thời gian tới Cục Hải quan Hải Phòng cần tập trung vào một số giải pháp như: (1) Cập nhật kịp thời các văn bản pháp quy liên quan đến hoạt động hải quan, đến hoạt động quản lý rủi ro trong và ngoài ngành Hải quan để nhằm giảm tỷ lệ chuyển luồng, xác định được đúng đối tượng lợi dụng sự thông thoáng của Hải quan và của các văn bản để thực hiện các hành vi gian lận, trốn thuế...; (2) Tập trung thu thập hồ sơ doanh nghiệp, phân tích đánh giá thông tin, trao đổi thông tin để từ xây dựng các tiêu chí áp dụng QLRR; (3) Xây dựng trung tâm dữ liệu và công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu phân tích rủi ro; (4) Cải cách bộ máy, phân công nhiệm vụ công chức hải quan làm nghiệp vụ chuyên sâu về quản lý rủi ro; (5) Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ quản lý rủi ro; (6) Đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp với việc áp dụng quản lý rủi ro trong qui trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu.

Do thời gian và kiến thức có hạn nên luận văn khó tránh khỏi những thiếu sót nhưng tác giả hy vọng rằng những đề xuất trên đây sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng. Tác giả rất mong nhận được sự góp ý của quý Thầy, Cô cùng bạn đọc để luận văn được hoàn thiện hơn, có ý nghĩa thiết thực hơn khi vận dụng vào thực tế.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [ 1 ]. Vũ Ngọc Anh (2010), “*Nâng cao hiệu quả áp dụng quản lý rủi ro trong lĩnh vực nghiệp vụ hải quan*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành, Hà Nội;
- [ 2 ]. Vũ Quốc Bảo (2016), “*Quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ Hải quan*”, Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ Hải quan, Cục Quản lý rủi ro – Tổng cục Hải quan, Hà Nội.
- [ 3 ]. Bộ khoa học công nghệ Việt Nam (2016), *Bộ tiêu chuẩn TCVNISO/IEC31010:2013- Quản lý rủi ro - kỹ thuật đánh giá rủi ro*.
- [ 4 ]. Bộ Giáo dục và đào tạo (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội;
- [ 5 ]. Bộ Tài chính (2013), *Quyết định số 2998/QĐ-BTC ngày 02/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy định áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý hải quan, quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh*, Hà Nội;
- [ 6 ]. Bộ Tài chính (2013), *Thông tư số 175/TT-BTC ngày 29/11/2013 của Bộ Tài chính quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan*, Hà Nội;
- [ 7 ]. Bộ Tài chính (2015), *Quyết định số 464/QĐ-BTC ngày 29/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan*, Hà Nội;
- [ 8 ]. Bộ Tài chính (2015), *Thông tư số 38/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội;

- [ 9 ]. Bộ Tài chính (2015), *Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/05/2015 của Bộ Tài chính về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp*, Hà Nội;
- [ 10 ]. Chính phủ (2015), *Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 14/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ*, Hà Nội;
- [ 11 ]. Chính phủ (2015), *Nghị định số 08/2015/NĐ - CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan, kiểm soát hải quan*, Hà Nội;
- [ 12 ]. Chính phủ (2011), *Quyết định số 448/2011/QĐ-TTg ngày 25/3/2011 v/v phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020*, Hà Nội;
- [ 13 ]. Chính phủ (2015), *Quyết định số 464/QĐ-BTC ngày 29/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan*, Hà Nội;
- [ 14 ]. Chính phủ (2008), *Quyết định số 48/2008/QĐ-BTC, ngày 04/07/2008, của Bộ trưởng Bộ Tài chính*, Hà Nội
- [ 15 ]. Chính phủ (2015), *Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan*, Hà Nội
- [ 16 ]. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 14/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ*, Hà Nội.
- [ 17 ]. Đinh Văn Hòa (2014), *"Hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu tại cục Hải quan Hà Tĩnh"*, Hà Tĩnh.

- [ 18 ]. Quách Đăng Hòa (2009), “*Nghiên cứu xây dựng, quản lý và sử dụng hồ sơ rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ của ngành Hải quan*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành, Hà Nội;
- [ 19 ]. Quách Đăng Hòa (2016), “*Nghiên cứu, xây dựng Khung tiêu chuẩn quản lý rủi ro của Hải quan Việt Nam*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành, Hà Nội;
- [ 20 ]. Hội đồng Hợp tác Hải quan Thế giới (1999), *Công ước quốc tế về hài hòa và đơn giản hóa thủ tục Hải quan (Công ước Kyoto sửa đổi và bổ sung)*- <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xuat-nhap-khau/Nghi-dinh-thu-sua-doi-Cong-uoc-Quoc-te-ve-don-gian-hoa-va-hai-hoa-Thu-tuc-Hai-quan-1999-228914.aspx>.
- [ 21 ]. Song Minh (2006), *Quy trình quản lý rủi ro của Hải quan Liên minh châu Âu*, Nghiên cứu Hải quan, (1+2), Hà Nội
- [ 22 ]. Quốc hội (2014), *Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/06/2014*, Hà Nội;
- [ 23 ]. Tổng cục Hải quan (2015), *Quyết định số 282/QĐ-TCHQ ngày 10/11/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện, áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan*, Hà Nội;
- [ 24 ]. Tổ chức Hải quan thế giới WCO, *Cẩm nang về quản lý rủi ro*.